

**LUẬT**  
**GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**LAW ON**  
**VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING**



## LUẬT GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật giáo dục nghề nghiệp.*

### CHƯƠNG I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về hệ thống giáo dục nghề nghiệp; tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng; doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam.

##### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giáo dục nghề nghiệp* là một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên.

2. *Đào tạo nghề nghiệp* là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khoá học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp.

3. *Mô-đun* là đơn vị học tập được tích hợp giữa kiến thức chuyên môn, kỹ

năng thực hành và thái độ nghề nghiệp một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học có năng lực thực hiện trọn vẹn một hoặc một số công việc của một nghề.

4. *Tín chỉ* là đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

5. *Đào tạo chính quy* là hình thức đào tạo theo các khóa học tập trung toàn bộ thời gian do cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp) thực hiện để đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

6. *Đào tạo thường xuyên* là hình thức đào tạo vừa làm vừa học, học từ xa hoặc tự học có hướng dẫn đối với các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác, được thực hiện linh hoạt về chương trình, thời gian, phương pháp, địa điểm đào tạo, phù hợp với yêu cầu của người học.

7. *Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận* là cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà phần lợi nhuận tích lũy hằng năm là tài sản chung không chia, để tái đầu tư phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cổ đông hoặc các thành viên góp vốn không hưởng lợi tức hoặc hưởng lợi tức hằng năm không vượt quá lãi suất trái phiếu Chính phủ.

8. *Doanh nghiệp* bao gồm doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật hợp tác xã và các tổ chức kinh tế khác có tư cách pháp nhân theo quy định của Bộ luật dân sự.

#### **Điều 4. Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp**

1. Mục tiêu chung của giáo dục nghề nghiệp là nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

2. Mục tiêu cụ thể đối với từng trình độ của giáo dục nghề nghiệp được quy định như sau:

a) Đào tạo trình độ sơ cấp để người học có năng lực thực hiện được các công việc đơn giản của một nghề;

b) Đào tạo trình độ trung cấp để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ sơ cấp và thực hiện được một số công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;

c) Đào tạo trình độ cao đẳng để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc.

## **Điều 5. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

- a) Trung tâm giáo dục nghề nghiệp;
- b) Trường trung cấp;
- c) Trường cao đẳng.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tổ chức theo các loại hình sau đây:

a) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước, do Nhà nước đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất;

b) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc sở hữu của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân, do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất;

c) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gồm cơ sở giáo dục nghề nghiệp 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài; cơ sở giáo dục nghề nghiệp liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

## **Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục nghề nghiệp**

1. Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp mở, linh hoạt, đa dạng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế,

liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp và liên thông với các trình độ đào tạo khác.

2. Đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp được ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nhân lực. Ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp được ưu tiên trong tổng chi ngân sách nhà nước dành cho giáo dục, đào tạo; được phân bổ theo nguyên tắc công khai, minh bạch, kịp thời.

3. Đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy hoạch; tập trung đầu tư hình thành một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, nhu cầu học tập của người lao động và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên.

4. Nhà nước có chính sách phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

5. Ưu tiên đầu tư đồng bộ cho đào tạo nhân lực thuộc các ngành, nghề trọng điểm quốc gia, các ngành, nghề tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực, quốc tế; chú trọng phát triển giáo dục nghề nghiệp ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng ven biển; đầu tư đào tạo các nghề thị trường lao động có nhu cầu nhưng khó thực hiện xã hội hoá.

6. Nhà nước thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng đào tạo đối với những ngành, nghề đặc thù; những ngành, nghề thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn; những ngành, nghề thị trường lao động có nhu cầu nhưng khó thực hiện xã hội hoá. Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp không phân biệt loại hình đều được tham gia cơ chế đấu thầu, đặt hàng quy định tại khoản này.

7. Hỗ trợ các đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, quân nhân xuất ngũ, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, ngư dân đánh bắt xa bờ, lao động nông thôn là người trực tiếp lao động trong các hộ sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất canh tác và các đối tượng chính sách xã hội khác nhằm tạo cơ hội cho họ được học tập để tìm việc làm, tự tạo việc làm, lập thân, lập nghiệp; thực hiện bình đẳng giới trong giáo dục nghề nghiệp.

8. Nhà nước tạo điều kiện cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học

và sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

## **Điều 7. Xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp**

1. Đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các hình thức đào tạo nghề nghiệp; khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức khác, công dân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tham gia hoạt động đào tạo nghề nghiệp.

2. Tổ chức, cá nhân đóng góp, đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định của Chính phủ. Ưu tiên về đất đai, thuế, tín dụng, đào tạo nhà giáo và cán bộ quản lý, cho thuê cơ sở vật chất, thiết bị để khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

3. Khuyến khích nghệ nhân và người có tay nghề cao tham gia đào tạo nghề nghiệp; khuyến khích, hỗ trợ đào tạo các nghề truyền thống và ngành, nghề ở nông thôn.

4. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tham gia với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có trách nhiệm tham gia xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo nghề nghiệp; tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện quyền và trách nhiệm trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

## **Điều 8. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Việc quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nhân lực của đất nước, ngành, địa phương, khả năng đầu tư của Nhà nước, khả năng huy động nguồn lực của xã hội;

b) Bảo đảm cơ cấu ngành, nghề, trình độ đào tạo và cơ cấu vùng, miền; tính đa dạng, đồng bộ của hệ thống giáo dục nghề nghiệp, gắn đào tạo với sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2. Nội dung quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

a) Cơ cấu mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và quy mô đào tạo theo ngành, nghề, trình độ đào tạo, loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

b) Phân bố các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo từng vùng, từng địa phương;

c) Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp;

d) Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.

3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp được quy định như sau:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch;

b) Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam xây dựng và phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của bộ, ngành, địa phương mình và chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện.

## **Điều 9. Liên thông trong đào tạo**

1. Liên thông trong đào tạo được thực hiện căn cứ vào chương trình đào tạo; người học khi chuyển từ trình độ đào tạo thấp lên trình độ đào tạo cao hơn cùng ngành, nghề hoặc khi chuyển sang học ngành, nghề khác thì không phải học lại những nội dung đã học.

2. Hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng căn cứ vào chương trình đào tạo quyết định mô-đun, tín chỉ, môn học hoặc nội dung mà người học không phải học lại.

3. Liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp được thực



hiện theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương; liên thông giữa các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo của giáo dục đại học được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

## CHƯƠNG II

### CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

#### Mục 1

#### TỔ CHỨC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

##### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Cơ cấu tổ chức của trường trung cấp, trường cao đẳng công lập, tư thục bao gồm:

a) Hội đồng trường đối với trường trung cấp, trường cao đẳng công lập; hội đồng quản trị đối với trường trung cấp, trường cao đẳng tư thục;

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;

c) Các phòng hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Các khoa, bộ môn;

đ) Các hội đồng tư vấn;

e) Phân hiệu; tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ; tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (nếu có).

2. Cơ cấu tổ chức của trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập, tư thục bao gồm:

a) Giám đốc, phó giám đốc;

b) Các phòng hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Các tổ bộ môn;

d) Các hội đồng tư vấn;

đ) Các đơn vị phục vụ đào tạo; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (nếu có).

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tự chủ về cơ cấu tổ chức.

### **Điều 11. Hội đồng trường**

1. Hội đồng trường được thành lập ở trường trung cấp, trường cao đẳng công lập.

2. Hội đồng trường là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của nhà trường, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết nghị phương hướng, mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường;

b) Quyết nghị phương hướng hoạt động đào tạo, hợp tác quốc tế;

c) Quyết nghị chủ trương sử dụng tài chính, tài sản và phương hướng đầu tư phát triển của nhà trường theo quy định của pháp luật;

d) Quyết nghị cơ cấu tổ chức trường; về việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức của nhà trường; về việc đề nghị miễn nhiệm hiệu trưởng;

đ) Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

3. Thành phần tham gia hội đồng trường bao gồm:

a) Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, bí thư tổ chức Đảng cơ sở, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện nhà giáo và một số đơn vị phòng, khoa, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của nhà trường (nếu có);

b) Đại diện cơ quan chủ quản hoặc đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan.

4. Chủ tịch hội đồng trường do thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Tiêu chuẩn của chủ tịch hội đồng trường như tiêu chuẩn của hiệu trưởng quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này.

5. Nhiệm kỳ của hội đồng trường là 05 năm và theo nhiệm kỳ của hiệu

trưởng. Hội đồng trường làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.

6. Thẩm quyền, thủ tục thành lập, số lượng, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của hội đồng trường; nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch, thư ký hội đồng trường; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức chủ tịch và các thành viên hội đồng trường được quy định trong Điều lệ trường trung cấp, Điều lệ trường cao đẳng và quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

## **Điều 12. Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị được thành lập ở trường trung cấp, trường cao đẳng tư thục.

2. Hội đồng quản trị là tổ chức đại diện duy nhất cho chủ sở hữu của nhà trường, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông;

b) Quyết nghị phương hướng, mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và quy chế, tổ chức hoạt động của nhà trường;

c) Quyết nghị cơ cấu tổ chức trường; về việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức của nhà trường; về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hiệu trưởng và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc không công nhận hiệu trưởng;

d) Quyết nghị phương hướng hoạt động đào tạo, hợp tác quốc tế;

đ) Quyết nghị những vấn đề về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và phương hướng đầu tư phát triển của nhà trường;

e) Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của hội đồng quản trị, đại hội đồng cổ đông, việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

3. Thành phần tham gia hội đồng quản trị bao gồm:

a) Đại diện các tổ chức, cá nhân có số lượng cổ phần đóng góp ở mức cần thiết theo quy định;

b) Hiệu trưởng, đại diện cơ quan quản lý địa phương nơi cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trụ sở hoặc đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan;

c) Đại diện tổ chức Đảng, đoàn thể; đại diện nhà giáo.

4. Chủ tịch hội đồng quản trị do hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số, bỏ phiếu kín.

Chủ tịch hội đồng quản trị là chủ tài khoản, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của nhà trường. Chủ tịch hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho hiệu trưởng trường là đại diện chủ tài khoản, thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ như chủ tài khoản trong phạm vi được ủy quyền.

5. Nhiệm kỳ của hội đồng quản trị là 05 năm. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.

6. Thủ tục thành lập, số lượng, cơ cấu thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng quản trị; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch, thư ký hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ trường trung cấp, Điều lệ trường cao đẳng và quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

### **Điều 13. Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp**

1. Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp là người đứng đầu trung tâm, đại diện cho trung tâm giáo dục nghề nghiệp trước pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp.

Nhiệm kỳ của giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp là 05 năm.

2. Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có phẩm chất, đạo đức tốt;
- b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên;
- c) Đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp;
- d) Có đủ sức khoẻ.

3. Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Ban hành các quy chế, quy định trong trung tâm giáo dục nghề nghiệp;
- b) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức của trung tâm giáo dục nghề nghiệp; bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh trưởng, phó các tổ chức của trung tâm;

c) Xây dựng quy hoạch và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý; quyết định cơ cấu, số lượng người làm việc và quyết định trả lương theo hiệu quả, chất lượng công việc; tuyển dụng viên chức, người lao động theo nhu cầu của trung tâm giáo dục nghề nghiệp; ký kết hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động, quản lý, sử dụng viên chức, người lao động và chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, hợp tác quốc tế, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo nghề nghiệp; tổ chức hướng nghiệp cho học sinh phổ thông;

đ) Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, tài chính và tổ chức khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực huy động được để phục vụ cho hoạt động đào tạo của trung tâm giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật;

g) Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chịu sự giám sát của cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong trung tâm giáo dục nghề nghiệp;

h) Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với cơ quan quản lý trực tiếp;

i) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận, miễn nhiệm, cách chức giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp được quy định như sau:

a) Người có thẩm quyền quyết định thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận, không công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực trên địa bàn theo đề nghị của những người góp vốn thành lập trung tâm hoặc tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực.

5. Thủ tục bổ nhiệm, công nhận, miễn nhiệm, cách chức giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp được quy định trong Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp.

## **Điều 14. Hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng**

1. Hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng là người đứng đầu trường trung cấp, trường cao đẳng, đại diện cho nhà trường trước pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động của nhà trường. Nhiệm kỳ của hiệu trưởng là 05 năm. Hiệu trưởng được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ và không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

Hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng công lập là chủ tài khoản, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của nhà trường.

2. Hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất, đạo đức tốt, đã có ít nhất là 05 năm làm công tác giảng dạy hoặc tham gia quản lý giáo dục nghề nghiệp;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên đối với hiệu trưởng trường trung cấp; có bằng thạc sỹ trở lên đối với hiệu trưởng trường cao đẳng;

c) Đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp;

d) Có đủ sức khoẻ; bảo đảm độ tuổi để tham gia ít nhất một nhiệm kỳ hiệu trưởng đối với việc bổ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng công lập.

3. Hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành các quy chế, quy định trong trường trung cấp, trường cao đẳng theo nghị quyết của hội đồng trường, hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện nghị quyết của hội đồng trường, hội đồng quản trị;

c) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức của nhà trường theo nghị quyết của hội đồng trường, hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh trưởng, phó các tổ chức của nhà trường;

d) Xây dựng quy hoạch và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý; quyết định cơ cấu, số lượng người làm việc và quyết định trả lương theo hiệu quả, chất lượng công việc; tuyển dụng viên chức, người lao động theo nhu cầu của nhà trường; ký kết hợp đồng làm việc và hợp đồng lao động, quản lý, sử dụng và chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, hợp tác quốc tế, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo;

e) Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, tài chính và tổ chức khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực huy động được để phục vụ cho hoạt động đào tạo của trường theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật;

h) Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chịu sự giám sát của cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong nhà trường;

i) Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của hiệu trưởng và ban giám hiệu trước hội đồng trường, hội đồng quản trị;

k) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận, miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng được quy định như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp, hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận, không công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục trên địa bàn theo đề nghị của hội đồng quản trị;

c) Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương công nhận, không công nhận hiệu trưởng trường cao đẳng tư thục theo đề nghị của hội đồng quản trị.

5. Thủ tục bổ nhiệm, công nhận, miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng được quy định trong Điều lệ trường trung cấp, Điều lệ trường cao đẳng.

### **Điều 15. Hội đồng tư vấn**

1. Hội đồng tư vấn trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp do người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp thành lập để tư vấn cho người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong

phạm vi, thẩm quyền của mình.

2. Tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng tư vấn do người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định.

### **Điều 16. Phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng**

1. Phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng thuộc cơ cấu tổ chức và chịu sự quản lý, điều hành của hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng. Phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng không có tư cách pháp nhân độc lập, đặt ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp, trường cao đẳng, chịu sự quản lý nhà nước theo lãnh thổ nơi đặt phân hiệu theo quy định của pháp luật.

2. Phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng thực hiện các nhiệm vụ theo sự điều hành của hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng, báo cáo với người đứng đầu trường trung cấp, trường cao đẳng về các hoạt động của phân hiệu, báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi đặt phân hiệu về các hoạt động liên quan đến thẩm quyền quản lý của địa phương.

3. Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập; thẩm quyền, thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập, đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng được thực hiện theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Luật này.

### **Điều 17. Tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập và hoạt động theo điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm tạo điều kiện cho tổ chức Đảng, đoàn thể và tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 18. Thành lập, sáp nhập, chia, tách hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập hoặc cho phép thành lập khi có đề án thành lập đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thủ tướng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương và phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được phê duyệt.



2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các điều kiện sau đây:

a) Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, giáo trình, phương pháp và thời gian đào tạo phù hợp với người khuyết tật. Các công trình xây dựng phục vụ cho người khuyết tật học tập phải bảo đảm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Có đội ngũ nhà giáo có chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giảng dạy cho người khuyết tật.

4. Việc sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

b) Bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, viên chức, người lao động và người học; góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp.

5. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định cụ thể điều kiện, yêu cầu đối với việc thành lập, sáp nhập, chia, tách hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

6. Thẩm quyền thành lập, sáp nhập, chia, tách hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội quyết định thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc cơ quan, tổ chức mình;

c) Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quyết định thành lập trường cao đẳng công lập; cho phép thành lập trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài;

d) Người có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập thì có quyền sáp nhập, chia, tách hoặc cho phép sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

7. Thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng công lập, tư thục do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định.

Thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ.

### **Điều 19. Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập;

b) Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo theo cam kết;

c) Có đủ chương trình đào tạo và giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định;

d) Có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu;

đ) Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

e) Có điều lệ, quy chế tổ chức, hoạt động.

2. Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp chỉ được tuyển sinh, tổ chức đào tạo khi đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

3. Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp khi thay đổi các nội dung ghi

trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp thì phải đăng ký bổ sung với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định cụ thể điều kiện, thẩm quyền, thủ tục cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

## **Điều 20. Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

1. Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp bị đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong những trường hợp sau đây:

a) Có hành vi gian lận để được thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc để được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

b) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này;

c) Tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

d) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ hoạt động;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp phải xác định rõ lý do đình chỉ, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm lợi ích hợp pháp của nhà giáo, viên chức, người lao động và người học. Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Người có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp thì có quyền đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định thủ tục đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

4. Sau thời hạn đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì người có thẩm quyền quyết định đình chỉ ra quyết định cho phép tiếp tục hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

## **Điều 21. Giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm các quy định của pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng;

b) Hết thời hạn đình chỉ hoạt động đào tạo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ;

c) Không được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp sau thời hạn 36 tháng đối với trường cao đẳng, trường trung cấp hoặc 24 tháng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, kể từ ngày quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập có hiệu lực;

d) Không triển khai hoạt động đào tạo sau thời hạn 24 tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được phép giải thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp đó.

3. Quyết định giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải xác định rõ lý do giải thể, các biện pháp bảo đảm lợi ích hợp pháp của nhà giáo, viên chức, người học và người lao động. Quyết định giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

4. Người có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập thì có quyền giải thể hoặc cho phép giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định thủ tục giải thể hoặc cho phép giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

## **Điều 22. Điều lệ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Điều lệ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương ban hành bao gồm Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Điều lệ trường trung cấp, Điều lệ trường cao đẳng.

2. Điều lệ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có nội dung chủ yếu sau đây:

a) Mục tiêu và sứ mạng;

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

c) Tổ chức các hoạt động đào tạo;

d) Nhiệm vụ và quyền của nhà giáo, cán bộ quản lý;

đ) Nhiệm vụ và quyền của người học;

e) Tổ chức và quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

g) Tài chính và tài sản;

h) Quan hệ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, gia đình và xã hội.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ vào Điều lệ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng quy chế tổ chức, hoạt động của mình và công bố công khai tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

### **Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tư thục**

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Tổ chức đào tạo đối với các trình độ đào tạo nghề nghiệp theo quy định sau đây:

a) Trung tâm giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề nghiệp phổ thông và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông;

b) Trường trung cấp tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp;

c) Trường cao đẳng tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và trình độ sơ cấp.

3. Tổ chức đào tạo thường xuyên theo quy định tại Mục 2 Chương III của Luật này.

4. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tuyển sinh và quản lý người học.

5. Công bố công khai mục tiêu, chương trình đào tạo; điều kiện để bảo đảm chất lượng dạy và học; mức học phí và miễn, giảm học phí; kết quả kiểm định chất lượng đào tạo; hệ thống văn bằng, chứng chỉ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và các biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng đào tạo.

6. Tổ chức giảng dạy, học tập theo mục tiêu, chương trình đào tạo; cấp bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp cho người học; tổ chức cho người học học tập, thực hành và thực tập tại doanh nghiệp thông qua hợp đồng với doanh nghiệp.

7. Được sử dụng chương trình đào tạo của nước ngoài đã được tổ chức

giáo dục, đào tạo nước ngoài hoặc quốc tế có uy tín công nhận về chất lượng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo quy định của pháp luật.

8. Liên kết hoạt động đào tạo trong nước; liên kết hoạt động đào tạo với nước ngoài theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

9. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật.

10. Xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá.

11. Tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động; tổ chức cho nhà giáo thực tập sản xuất tại doanh nghiệp để cập nhật, nâng cao kỹ năng nghề; tổ chức cho nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia các hoạt động xã hội.

12. Thực hiện kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

13. Tư vấn đào tạo, tư vấn việc làm miễn phí cho người học.

14. Được thành lập doanh nghiệp, được tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

15. Đưa nội dung giảng dạy về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, pháp luật có liên quan của nước mà người lao động đến làm việc và pháp luật có liên quan của Việt Nam vào chương trình đào tạo khi tổ chức đào tạo cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

16. Nghiên cứu khoa học để phục vụ và nâng cao chất lượng đào tạo; ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

17. Thực hiện quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

18. Có cơ chế để người học, nhà giáo và xã hội tham gia đánh giá chất lượng đào tạo nghề nghiệp.

19. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

20. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**

1. Được bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật

Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà giáo, người học và những người lao động khác kể cả khi cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị đình chỉ hoạt động, giải thể hoặc buộc phải đình chỉ hoạt động, giải thể trước thời hạn.

3. Tôn trọng pháp luật, phong tục, tập quán của Việt Nam.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều 23 của Luật này.

### **Điều 25. Quyền tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự chủ trong các hoạt động thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm giải trình trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học và xã hội về tổ chức, quản lý hoạt động và chất lượng đào tạo của mình.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện theo quy định của Chính phủ.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp không đủ năng lực tự chịu trách nhiệm hoặc vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện quyền tự chủ thì tùy mức độ mà bị hạn chế quyền tự chủ và xử lý theo quy định của pháp luật.

## **Mục 2**

### **CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

#### **Điều 26. Chính sách đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hưởng chính sách sau đây:

a) Được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; được ưu đãi về tín dụng để đầu tư cơ sở vật chất hoặc nâng cao chất lượng đào tạo; ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật về thuế; miễn thuế đối với phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để lại để đầu tư phát triển; miễn, giảm thuế theo quy định đối với lợi nhuận thu được từ sản phẩm, dịch vụ được tạo ra từ hoạt động đào tạo; ưu đãi về thuế đối với việc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp với hoạt động đào tạo, xuất bản giáo

trình, tài liệu dạy học, sản xuất và cung ứng thiết bị đào tạo, nhập khẩu sách, báo, tài liệu, thiết bị đào tạo;

b) Tham gia đấu thầu, nhận đặt hàng đào tạo của Nhà nước theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; c) Vay vốn ưu đãi từ các chương trình, dự án trong nước và nước ngoài;

d) Tham gia chương trình bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp trong nước và nước ngoài bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước;

đ) Hỗ trợ đầu tư bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận học sinh phổ thông dân tộc nội trú khi ra trường vào học nghề;

e) Hỗ trợ phát triển đào tạo các ngành, nghề đáp ứng nhu cầu học tập của người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

g) Các chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các cấp tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thực hiện các hoạt động đào tạo, phổ biến tiến bộ khoa học, kỹ thuật và chuyển giao công nghệ.

### **Điều 27. Chính sách đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật**

1. Nhà nước khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển người khuyết tật vào học hòa nhập; khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật được hưởng các chính sách quy định tại Điều 26 của Luật này và được Nhà nước hỗ trợ

về tài chính để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; được giao đất, cho thuê đất để xây dựng công trình sự nghiệp ở nơi thuận lợi cho việc học của người khuyết tật.

## **Mục 3**

### **TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

#### **Điều 28. Nguồn tài chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Ngân sách nhà nước (nếu có).



2. Đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.
3. Học phí, lệ phí tuyển sinh.
4. Thu từ các hoạt động hợp tác đào tạo, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.
5. Tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng, cho của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
6. Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 29. Học phí, lệ phí tuyển sinh**

1. Học phí, lệ phí tuyển sinh là khoản tiền mà người học phải nộp cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp để bù đắp chi phí đào tạo và chi phí tuyển sinh.

2. Chi phí đào tạo bao gồm các khoản chi có chứng từ hợp lệ về chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, nguyên nhiên vật liệu thực hành, thực tập; khấu hao cơ sở vật chất, thiết bị và các chi phí cần thiết khác cho việc đào tạo.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện được chủ động xây dựng và quyết định mức thu học phí, lệ phí tuyển sinh theo quy định đối với cơ sở giáo dục công lập tự chủ toàn diện.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập khác xây dựng và quyết định mức thu học phí, lệ phí tuyển sinh theo từng chuyên ngành hoặc từng nghề căn cứ vào nội dung, phương pháp xây dựng mức học phí, lệ phí tuyển sinh và khung học phí, lệ phí tuyển sinh do Chính phủ quy định.

4. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được chủ động xây dựng và quyết định mức thu học phí, lệ phí tuyển sinh.

5. Mức thu học phí, lệ phí tuyển sinh phải được công bố công khai cùng thời điểm với thông báo tuyển sinh.

6. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao được thu học phí tương xứng với chất lượng đào tạo.

Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định tiêu chí xác định chương trình đào tạo chất lượng cao; có trách nhiệm quản lý, giám sát mức thu học phí tương xứng với chất lượng đào tạo.

### **Điều 30. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải bảo đảm thiết bị đào tạo theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu và cơ sở vật chất theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương.

### **Điều 31. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được quyền quyết định việc huy động vốn, sử dụng vốn, tài sản gắn với nhiệm vụ được giao để mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp quản lý, sử dụng tài sản được hình thành từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản nhà nước; tự chủ, tự chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tài sản hình thành từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

4. Tài sản và đất đai được Nhà nước giao cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực quản lý và tài sản mà cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực được tài trợ, viện trợ, biếu, tặng, cho phải được sử dụng đúng mục đích, không chuyển đổi mục đích sử dụng và không được chuyển thành sở hữu tư nhân dưới bất kỳ hình thức nào.

5. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng đúng mục đích nguồn tài chính tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quản lý và sử dụng tài sản nhà nước của cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ.

CHƯƠNG III  
HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ  
TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

**Mục 1**  
**ĐÀO TẠO CHÍNH QUY**

**Điều 32. Tuyển sinh đào tạo**

1. Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được quyền xác định chỉ tiêu tuyển sinh trên cơ sở các điều kiện về số lượng và chất lượng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

2. Việc tổ chức tuyển sinh được thực hiện như sau:

a) Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện tuyển sinh một hoặc nhiều lần trong năm theo chỉ tiêu tuyển sinh đã xác định;

b) Tuyển sinh trình độ sơ cấp được thực hiện theo hình thức xét tuyển;

c) Tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng được thực hiện theo hình thức xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển. Căn cứ vào yêu cầu cụ thể của chuyên ngành hoặc nghề đào tạo, hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng có thể quyết định việc sơ tuyển trước khi tiến hành xét tuyển hoặc thi tuyển.

3. Các trường hợp được tuyển thẳng vào đào tạo ở trình độ cao đẳng bao gồm:

a) Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, có bằng tốt nghiệp trung cấp loại giỏi trở lên và đăng ký học cùng chuyên ngành hoặc nghề đào tạo;

b) Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, có bằng tốt nghiệp trung cấp loại khá, đã có ít nhất 02 năm làm việc theo chuyên ngành hoặc nghề đã được đào tạo và đăng ký học cùng chuyên ngành hoặc nghề đào tạo;

c) Các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 64 của Luật này.

4. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và ban hành quy chế tuyển sinh đào tạo.

### **Điều 33. Thời gian đào tạo**

1. Thời gian đào tạo trình độ sơ cấp được thực hiện từ 03 tháng đến dưới 01 năm học nhưng phải bảo đảm thời gian thực học tối thiểu là 300 giờ học đối với người có trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học.

2. Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên là từ 01 đến 02 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo.

Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô-đun hoặc tín chỉ quy định cho từng chương trình đào tạo.

Người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, nếu có nguyện vọng tiếp tục học lên trình độ cao đẳng thì phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng văn hóa trung học phổ thông.

3. Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế được thực hiện từ 02 đến 03 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ 01 đến 02 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề đào tạo và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông.

Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô-đun hoặc tín chỉ cho từng chương trình đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông mà người học phải tích lũy để học trình độ cao đẳng.

### **Điều 34. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo nghề nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Thể hiện được mục tiêu đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, tín chỉ, môn học, từng chuyên ngành hoặc từng nghề và từng trình độ;

b) Bảo đảm tính khoa học, hiện đại, hệ thống, thực tiễn, linh hoạt đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động; phân bố hợp lý thời gian giữa các khối lượng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Được định kỳ rà soát cập nhật, bổ sung cho phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

2. Người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp tự chủ, tự chịu trách nhiệm tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn và phê duyệt chương trình đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương.

4. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với từng trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

### **Điều 35. Giáo trình đào tạo**

1. Giáo trình đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, tín chỉ, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình; tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình; duyệt giáo trình để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định việc tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục nghề nghiệp.

### **Điều 36. Yêu cầu về phương pháp đào tạo**

1. Phương pháp đào tạo trình độ sơ cấp phải chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành nghề và phát huy tính tích cực, tự giác của người học.

2. Phương pháp đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng phải kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm; sử dụng phần mềm dạy học và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong dạy và học.

### **Điều 37. Tổ chức và quản lý đào tạo**

1. Chương trình đào tạo được thực hiện theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ. Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp tự chủ, tự chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ tùy thuộc vào điều kiện của cơ sở nhưng phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng theo quy định đối với từng chương trình đào tạo.

2. Người học tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo thì được công nhận hoàn thành chương trình; những mô-đun, tín chỉ đã tích lũy được công nhận và không phải học lại khi học các chương trình đào tạo khác.

3. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ và việc liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

### **Điều 38. Văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp**

1. Văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp được cấp cho người học sau khi tốt nghiệp một trình độ đào tạo giáo dục nghề nghiệp. Việc cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp được quy định như sau:

a) Người học học hết chương trình đào tạo trình độ sơ cấp có đủ điều kiện thì được kiểm tra hoặc thi kết thúc khóa học, nếu đạt yêu cầu thì được người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp được phép hoạt động

đào tạo nghề nghiệp cấp chứng chỉ sơ cấp;

b) Học sinh học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế có đủ điều kiện thì được dự thi tốt nghiệp, nếu đạt yêu cầu hoặc học sinh học theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ nếu tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ theo quy định thì được hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trung cấp;

c) Sinh viên học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế có đủ điều kiện thì được dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, nếu đạt yêu cầu hoặc sinh viên học theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ nếu tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ theo quy định thì được hiệu trưởng trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký đào tạo trình độ cao đẳng xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành hoặc kỹ sư thực hành.

2. Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp in phôi và cấp bằng, chứng chỉ đào tạo cho người học; công bố công khai các thông tin liên quan về bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

3. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định về quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; quy định mẫu bằng, chứng chỉ đào tạo, việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng, chứng chỉ đào tạo; quy định trách nhiệm của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong việc cấp bằng, chứng chỉ đào tạo tại Việt Nam; quy định việc công nhận tương đương đối với những người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo nghề nghiệp ở nước ngoài; quy định trình tự, thủ tục công nhận bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài cấp.

## Mục 2

### ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN

#### Điều 39. Hợp đồng đào tạo

1. Hợp đồng đào tạo là sự giao kết bằng lời nói hoặc bằng văn bản về quyền và nghĩa vụ giữa người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, lớp đào tạo nghề, tổ chức, cá nhân với người học tham gia các chương trình đào

tạo thường xuyên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật này và trong trường hợp doanh nghiệp tuyển người vào đào tạo để làm việc cho doanh nghiệp.

2. Hợp đồng đào tạo phải có các nội dung sau đây:

- a) Tên nghề đào tạo hoặc các kỹ năng nghề đạt được;
- b) Địa điểm đào tạo;
- c) Thời gian hoàn thành khoá học;
- d) Mức học phí và phương thức thanh toán học phí;
- đ) Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mỗi bên khi vi phạm hợp đồng;
- e) Thanh lý hợp đồng;
- g) Các thoả thuận khác không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

3. Trường hợp doanh nghiệp tuyển người vào đào tạo để làm việc cho doanh nghiệp thì hợp đồng đào tạo ngoài những nội dung quy định tại khoản 2 Điều này còn có các nội dung sau đây:

- a) Cam kết của người học về thời hạn làm việc cho doanh nghiệp;
- b) Cam kết của doanh nghiệp về việc sử dụng lao động sau khi học xong;
- c) Thỏa thuận về thời gian và mức tiền công cho người học trực tiếp hoặc tham gia làm ra sản phẩm cho doanh nghiệp trong thời gian đào tạo.

4. Hợp đồng đào tạo theo hình thức kèm cặp nghề tại doanh nghiệp ngoài các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, phải có thỏa thuận thời gian bắt đầu được trả công và mức tiền công trả cho người học theo từng thời gian.

#### **Điều 40. Chương trình đào tạo thường xuyên**

1. Đào tạo thường xuyên được thực hiện với các chương trình sau đây:

- a) Chương trình đào tạo thường xuyên theo yêu cầu của người học; chương trình bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp;
- b) Chương trình đào tạo theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề, tập nghề;
- c) Chương trình chuyển giao công nghệ;
- d) Chương trình đào tạo khác có thời gian đào tạo dưới 03 tháng;



đ) Chương trình đào tạo để lấy bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp và chứng chỉ sơ cấp theo hình thức đào tạo thường xuyên.

2. Chương trình đào tạo thường xuyên phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Chương trình đào tạo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này phải bảo đảm tính thiết thực, giúp người học có năng lực thực hiện được các công việc của nghề đã học, nâng cao khả năng lao động, tăng năng suất lao động hoặc chuyển đổi nghề nghiệp. Người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, lớp đào tạo nghề thực hiện các chương trình đào tạo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này tự chủ, tự chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng hoặc tổ chức lựa chọn chương trình đào tạo cho mình;

b) Chương trình đào tạo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại Điều 34 của Luật này.

#### **Điều 41. Thời gian và phương pháp đào tạo thường xuyên**

1. Thời gian đào tạo đối với các chương trình quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật này được thực hiện theo yêu cầu của từng chương trình, bảo đảm sự linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng người học.

2. Thời gian đào tạo thực hiện theo niên chế đối với các chương trình quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 40 của Luật này có thể dài hơn thời gian quy định tại Điều 33 của Luật này.

3. Phương pháp đào tạo thường xuyên phải phát huy vai trò chủ động, năng lực tự học, kinh nghiệm của người học; sử dụng phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin, truyền thông để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học.

#### **Điều 42. Người dạy các chương trình đào tạo thường xuyên**

1. Người dạy các chương trình đào tạo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật này là nhà giáo, nhà khoa học, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, người có tay nghề cao, nông dân sản xuất giỏi.

2. Người dạy các chương trình đào tạo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 40 của Luật này là nhà giáo đáp ứng các tiêu chuẩn, trình độ chuẩn được đào tạo quy định tại Điều 53 và Điều 54 của Luật này.

#### **Điều 43. Tổ chức và quản lý đào tạo thường xuyên**

1. Việc tổ chức và quản lý đào tạo thường xuyên được thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Luật này.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, lớp đào tạo nghề được tổ chức đào tạo đối với các chương trình quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật này.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký đào tạo trình độ cao đẳng được tổ chức đào tạo đối với chương trình quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 40 của Luật này khi đã bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đào tạo chính quy và được cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo có thẩm quyền cho phép.

4. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định cụ thể về đào tạo thường xuyên.

#### **Điều 44. Văn bằng, chứng chỉ trong đào tạo thường xuyên**

1. Các chương trình đào tạo nghề thường xuyên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật này áp dụng hình thức kiểm tra hoặc thi khi kết thúc mô-đun, môn học, chương trình tùy thuộc vào từng chương trình, do người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, người đứng đầu tổ chức, cá nhân mở lớp đào tạo nghề quyết định.

2. Việc kiểm tra, thi và cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp đối với chương trình đào tạo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 40 của Luật này được thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật này.

3. Người học học hết chương trình đào tạo thường xuyên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật này được người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, lớp đào tạo nghề cấp chứng chỉ đào tạo. Chứng chỉ đào tạo phải ghi rõ nội dung đào tạo, thời gian khóa học.

#### **Điều 45. Lớp đào tạo nghề**

1. Lớp đào tạo nghề do tổ chức, cá nhân thành lập để tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật này.

Trường hợp mở lớp đào tạo nghề theo đặt hàng của Nhà nước thì tổ chức, cá nhân mở lớp đào tạo nghề phải có đủ điều kiện theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương.

2. Tổ chức, cá nhân mở lớp đào tạo nghề có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này thì được hưởng các chính sách ưu đãi sau đây:

a) Các khoản chi cho hoạt động của lớp đào tạo nghề được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Được tham gia các chương trình, đề án về đào tạo nghề của Nhà nước nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

c) Được cấp chứng chỉ đào tạo cho người học;

d) Được cử người dạy nghề tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, lớp bồi dưỡng nâng cao, cập nhật kiến thức công nghệ thuộc lĩnh vực chuyên môn;

đ) Người học được hỗ trợ đào tạo nếu lớp đào tạo nghề thuộc các chương trình, đề án về đào tạo nghề của Nhà nước.

3. Lớp đào tạo nghề đáp ứng các điều kiện sau đây thì được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước:

a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, giáo viên, chương trình đào tạo phù hợp với nghề đào tạo

b) Có báo cáo bằng văn bản về hoạt động đào tạo nghề với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi mở lớp đào tạo nghề.

### Mục 3

## HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

### Điều 46. Mục tiêu hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp

1. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục nghề nghiệp tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

2. Tạo điều kiện để cơ sở giáo dục nghề nghiệp phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

### Điều 47. Các hình thức hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp

1. Liên kết đào tạo.

2. Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

3. Hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tổ chức hội

ngiht, hội thảo khoa học.

4. Bồi dưỡng, trao đổi nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp và người học.

5. Trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo.

6. Tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế.

7. Mở văn phòng đại diện cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam ở nước ngoài.

8. Các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 48. Liên kết đào tạo với nước ngoài**

1. Liên kết đào tạo với nước ngoài là việc xây dựng và thực hiện chương trình hợp tác đào tạo giữa cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam với cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài nhưng không hình thành pháp nhân mới nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng, chứng chỉ đào tạo nghề nghiệp.

2. Chương trình đào tạo sử dụng trong liên kết đào tạo với nước ngoài là chương trình đào tạo của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng. Chương trình đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài. Người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp phê duyệt chương trình đào tạo sử dụng trong liên kết đào tạo với nước ngoài.

3. Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp liên kết đào tạo với nước ngoài phải có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo và phải bảo đảm điều kiện về đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, chương trình, nội dung đào tạo.

Cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài thực hiện liên kết với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong nước phải có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do cơ quan kiểm định chất lượng nước ngoài cấp hoặc được công nhận theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương.

Điều kiện cụ thể, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài được thực hiện theo quy định

của Chính phủ.

4. Trường hợp chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài bị đình chỉ tuyển sinh hoặc bị chấm dứt hoạt động do không duy trì điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này thì cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp phải bồi hoàn kinh phí đào tạo cho người học, thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người học, của nhà giáo, viên chức, người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể; thanh toán các khoản nợ thuế và các khoản nợ khác (nếu có).

#### **Điều 49. Văn phòng đại diện**

1. Văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài có chức năng đại diện cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài.

2. Văn phòng đại diện có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thúc đẩy hợp tác với cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam thông qua việc xúc tiến xây dựng các chương trình, dự án hợp tác trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

b) Tổ chức các hoạt động giao lưu, tư vấn, trao đổi thông tin, hội thảo, triển lãm trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp nhằm giới thiệu về tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài;

c) Đôn đốc, giám sát việc thực hiện các thỏa thuận hợp tác giáo dục nghề nghiệp đã ký kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam;

d) Không được thực hiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp sinh lợi trực tiếp tại Việt Nam và không được phép thành lập chi nhánh trực thuộc văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có tư cách pháp nhân;

b) Có tôn chỉ, mục đích hoạt động;

c) Đã có thời gian hoạt động giáo dục nghề nghiệp ít nhất là 05 năm ở nước sở tại;

d) Có quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện dự kiến thành lập tại Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

5. Văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài được chấm dứt hoạt động theo đề nghị của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài hoặc bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn ghi trong giấy phép;

b) Bị thu hồi giấy phép do văn phòng đại diện không hoạt động sau thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép lần đầu hoặc 03 tháng, kể từ ngày được gia hạn giấy phép;

c) Có sự giả mạo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện;

d) Thực hiện những hoạt động ngoài nội dung ghi trong giấy phép;

đ) Vi phạm các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

## **Điều 50. Chính sách phát triển hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp**

1. Nhà nước mở rộng, phát triển hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền quốc gia và các bên cùng có lợi.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tham gia giảng dạy, nghiên cứu, đầu tư, tài trợ, hợp tác, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ về giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam; được bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp theo pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Chính phủ quy định cụ thể việc hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp.

## CHƯƠNG IV

## **QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

### **Điều 51. Quyền của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

1. Được thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo nhân lực trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong doanh nghiệp và cho xã hội.

2. Được đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp để tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật này cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp và lao động khác; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo cho người khuyết tật vào học tập và làm việc cho doanh nghiệp.

3. Được phối hợp với các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp khác để tổ chức đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo thường xuyên.

4. Được tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực tập và đánh giá kết quả học tập của người học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

5. Các khoản chi cho hoạt động đào tạo nghề nghiệp của doanh nghiệp được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

### **Điều 52. Trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

1. Cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, sử dụng lao động của doanh nghiệp theo ngành, nghề và nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm cho cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

2. Tổ chức đào tạo hoặc đặt hàng với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp.

3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm đã thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đào tạo với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

4. Tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học tại cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; tiếp nhận người học, nhà giáo đến tham quan,

thực hành, thực tập nâng cao kỹ năng nghề thông qua hợp đồng với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

5. Trả tiền lương, tiền công cho người học, nhà giáo trực tiếp hoặc tham gia lao động làm ra sản phẩm hợp quy cách trong thời gian đào tạo, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp theo mức do các bên thoả thuận.

6. Phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề và đào tạo lại nghề cho ngư-ời lao động của doanh nghiệp.

7. Tạo điều kiện cho người lao động của doanh nghiệp vừa làm vừa học để nâng cao trình độ kỹ năng nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động.

8. Chỉ được sử dụng lao động đã qua đào tạo hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với những nghề trong danh mục do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định.

9. Chính phủ quy định cụ thể quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

## CHƯƠNG V

# NHÀ GIÁO VÀ NGƯỜI HỌC

## Mục 1

### NHÀ GIÁO

#### **Điều 53. Nhà giáo trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

1. Nhà giáo trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp bao gồm nhà giáo dạy lý thuyết, nhà giáo dạy thực hành hoặc nhà giáo vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành.

2. Nhà giáo trong trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp được gọi là giáo viên; nhà giáo trong trường cao đẳng được gọi là giảng viên.

3. Chức danh của nhà giáo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm giáo viên, giáo viên chính, giáo viên cao cấp; giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp.



4. Nhà giáo trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có phẩm chất, đạo đức tốt;
- b) Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ;
- c) Có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- d) Có lý lịch rõ ràng.

#### **Điều 54. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo**

1. Nhà giáo dạy trình độ sơ cấp phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp.

2. Nhà giáo dạy lý thuyết chuyên môn trình độ trung cấp phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; nhà giáo dạy thực hành trình độ trung cấp phải có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp.

3. Nhà giáo dạy lý thuyết chuyên môn trình độ cao đẳng phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; nhà giáo dạy thực hành trình độ cao đẳng phải có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng.

4. Nhà giáo vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng phải đạt chuẩn của nhà giáo dạy lý thuyết và chuẩn của nhà giáo dạy thực hành theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Nhà giáo không có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, cao đẳng sư phạm kỹ thuật hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm, đại học sư phạm kỹ thuật thì phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

6. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề và chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành ở các trình độ; quy định nội dung chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo trong các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

#### **Điều 55. Nhiệm vụ, quyền hạn của nhà giáo**

1. Giảng dạy theo mục tiêu, chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ, có chất lượng chương trình đào tạo.

2. Định kỳ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy.

3. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ, quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

4. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

5. Tham gia quản lý và giám sát cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; tham gia công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

6. Được sử dụng các tài liệu, phương tiện, đồ dùng dạy học, thiết bị và cơ sở vật chất của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để thực hiện nhiệm vụ được giao.

7. Được ký hợp đồng thỉnh giảng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

8. Được tham gia đóng góp ý kiến về chủ trương, kế hoạch của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp về chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy và các vấn đề có liên quan đến quyền lợi của nhà giáo.

9. Nhà giáo phải dành thời gian và được cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp bố trí thời gian thực tập tại doanh nghiệp để cập nhật, nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới theo quy định.

10. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 56. Tuyển dụng, đánh giá và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo**

1. Việc tuyển dụng nhà giáo phải bảo đảm các tiêu chuẩn, trình độ chuẩn được đào tạo quy định tại khoản 4 Điều 53 và Điều 54 của Luật này và được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động, pháp luật về viên chức. Ưu tiên tuyển dụng làm nhà giáo đối với người có kinh nghiệm trong thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

2. Nhà giáo phải được đánh giá, phân loại hằng năm theo quy định của pháp luật.

3. Việc bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề, tin học, ngoại ngữ; thực tập tại doanh nghiệp đối

với nhà giáo được thực hiện theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương.

### **Điều 57. Thỉnh giảng**

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được mời người có đủ tiêu chuẩn và trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại khoản 4 Điều 53 và Điều 54 của Luật này đến giảng dạy theo chế độ thỉnh giảng.

2. Người được mời thỉnh giảng phải thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 55 của Luật này.

3. Người được mời thỉnh giảng là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức khác phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ ở nơi mình công tác.

### **Điều 58. Chính sách đối với nhà giáo**

1. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được hưởng các chính sách sau đây:

a) Được hưởng chế độ tiền lương theo chức danh quy định tại khoản 3 Điều 53 của Luật này; phụ cấp ưu đãi theo ngành, nghề, phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo, phụ cấp đặc thù cho nhà giáo vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành, nhà giáo là nghệ nhân, người có trình độ kỹ năng nghề cao dạy thực hành, nhà giáo dạy thực hành các ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, nhà giáo cho người khuyết tật theo quy định của Chính phủ;

b) Chính sách đối với nhà giáo công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các chính sách khác đối với nhà giáo theo quy định của Chính phủ.

2. Được cử đi học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Chính phủ.

3. Nhà nước có chính sách khuyến khích nhà giáo đến công tác tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tạo điều kiện thuận lợi cho nhà giáo được biệt phái đến làm việc tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

4. Nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật thì được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú.

5. Nhà giáo là tiến sĩ, nghệ nhân hoặc có trình độ kỹ năng nghề cao công tác trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, nếu có đủ sức khỏe, tự nguyện kéo dài thời gian làm việc và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có nhu cầu, có thể nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn để làm việc về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật về lao động.

6. Nhà nước có chính sách đầu tư đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng, phương pháp sư phạm đối với nhà giáo đào tạo nghề nghiệp cho người khuyết tật.

## Mục 2 NGƯỜI HỌC

### Điều 59. Người học

Người học là người đang học các chương trình giáo dục nghề nghiệp tại cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp bao gồm sinh viên của chương trình đào tạo cao đẳng; học sinh của chương trình đào tạo trung cấp và chương trình đào tạo sơ cấp; học viên của chương trình đào tạo thường xuyên quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật này.

### Điều 60. Nhiệm vụ và quyền của người học

1. Học tập, rèn luyện theo quy định của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.

3. Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

4. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện.

5. Được tạo điều kiện trong học tập, tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao.

6. Được hưởng chính sách đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và chính sách xã hội.

7. Các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 61. Nghĩa vụ làm việc có thời hạn của người học**

1. Người tốt nghiệp các khoá đào tạo theo chế độ cử tuyển, theo các chương trình do Nhà nước đặt hàng, cấp học bổng, chi phí đào tạo hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định ký kết với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải chấp hành sự điều động làm việc có thời hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp không chấp hành thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo.

2. Người tốt nghiệp các khoá đào tạo do người sử dụng lao động cấp học bổng, chi phí đào tạo phải làm việc cho người sử dụng lao động theo thời hạn đã cam kết trong hợp đồng đào tạo; trường hợp không thực hiện đúng cam kết thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo.

### **Điều 62. Chính sách đối với người học**

1. Người học được hưởng chính sách học bổng, trợ cấp xã hội, chế độ cử tuyển, chính sách tín dụng giáo dục, chính sách miễn, giảm phí dịch vụ công cộng cho học sinh, sinh viên quy định tại các điều 89, 90, 91 và 92 của Luật giáo dục.

2. Người học được Nhà nước miễn học phí trong các trường hợp sau đây:

a) Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng là người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; người mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa;

b) Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp;

c) Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Thủ tướng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định; người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Chính phủ.

3. Người học là phụ nữ, lao động nông thôn khi tham gia các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo dưới 03 tháng được hỗ trợ chi phí đào tạo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Học sinh tốt nghiệp trường trung học cơ sở dân tộc nội trú, trường trung học phổ thông dân tộc nội trú, kể cả nội trú dân nuôi được tuyển thẳng vào học trường trung cấp, cao đẳng công lập.

5. Người học là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật; người học là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc là người khuyết tật mà có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo; học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú khi tham gia chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng được hưởng chính sách nội trú theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Trong quá trình học tập nếu người học đi làm nghĩa vụ quân sự hoặc do ốm đau, tai nạn, thai sản không đủ sức khỏe hoặc gia đình có khó khăn không thể tiếp tục học tập hoặc đi làm thì được bảo lưu kết quả học tập và được trở lại tiếp tục học tập để hoàn thành khóa học. Thời gian được bảo lưu kết quả học tập không quá 05 năm.

7. Những kiến thức, kỹ năng mà người học tích lũy được trong quá trình làm việc và kết quả các mô-đun, tín chỉ, môn học người học đã tích lũy được trong quá trình học tập ở các trình độ giáo dục nghề nghiệp được công nhận và không phải học lại khi tham gia học các chương trình đào tạo khác.

8. Người học sau khi tốt nghiệp được hưởng các chính sách sau đây:

a) Được tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang theo quy định; ưu tiên đối với những người có bằng tốt nghiệp loại giỏi trở lên;

b) Được hưởng tiền lương theo thỏa thuận với người sử dụng lao động dựa trên vị trí việc làm, năng lực, hiệu quả làm việc nhưng không được thấp hơn mức lương cơ sở, mức lương tối thiểu hoặc mức lương khởi điểm đối với công việc hoặc chức danh có yêu cầu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 63. Chính sách đối với người học để đi làm việc ở nước ngoài**

1. Nhà nước có chính sách tổ chức đào tạo nghề nghiệp cho người lao động để đưa đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài.

2. Trường hợp người đang học tập tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp mà đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài thì được bảo lưu kết quả học tập. Thời

gian được bảo lưu kết quả học tập không quá 05 năm.

#### **Điều 64. Chính sách đối với người đạt giải trong các kỳ thi tay nghề**

1. Nhà nước khuyến khích người học tham gia các kỳ thi tay nghề. Người đạt giải trong các kỳ thi tay nghề quốc gia, thi tay nghề khu vực ASEAN hoặc thi tay nghề quốc tế được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề quốc gia có bằng tốt nghiệp trung cấp và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của pháp luật thì được tuyển thẳng vào trường cao đẳng để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đạt giải.

3. Người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của pháp luật thì được tuyển thẳng vào trường đại học để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đạt giải.

## CHƯƠNG VI

### **KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

#### **Điều 65. Mục tiêu, đối tượng, nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Mục tiêu của kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

- a) Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- b) Xác nhận mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp trong từng giai đoạn nhất định của cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp.

2. Đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

- a) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- b) Chương trình đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp.

3. Việc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- a) Độc lập, khách quan, đúng pháp luật;
- b) Trung thực, công khai, minh bạch;
- c) Bình đẳng, định kỳ;

d) Bắt buộc đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chương trình đào tạo các ngành, chuyên ngành hoặc nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chương trình đào tạo các ngành, nghề phục vụ yêu cầu công tác quản lý nhà nước.

### **Điều 66. Tổ chức, quản lý kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có nhiệm vụ đánh giá và công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chương trình giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

- a) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Nhà nước thành lập;
- b) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do tổ chức, cá nhân thành lập.

3. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được thành lập khi có đề án bảo đảm các điều kiện sau đây:

- a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính đáp ứng yêu cầu hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- b) Có đội ngũ cán bộ quản lý và kiểm định viên đáp ứng yêu cầu hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

4. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có tư cách pháp nhân, chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; được thu phí kiểm định theo quy định của pháp luật.

5. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định cụ thể về tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; điều kiện và thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;



nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; công nhận kết quả kiểm định của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; cấp và thu hồi giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm định viên; quản lý và cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

### **Điều 67. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch dài hạn, kế hoạch hằng năm về nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
2. Tổ chức tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo tiêu chuẩn, quy trình kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
3. Cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
4. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. Nộp phí kiểm định chất lượng cho tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
6. Được lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp để kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chương trình giáo dục nghề nghiệp.
7. Được khiếu nại, tố cáo với cơ quan có thẩm quyền về các quyết định, kết luận, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

### **Điều 68. Công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo đã được kiểm định chất lượng nếu đạt yêu cầu thì được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Giấy chứng nhận có giá trị trong thời hạn 05 năm.
2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo không duy trì được chất lượng theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thì bị thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 69. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

1. Duy trì và tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
2. Hằng năm, báo cáo kết quả tự đánh giá với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.
3. Được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và được tham gia đấu thầu thực hiện chỉ tiêu giáo dục nghề nghiệp theo đơn đặt hàng của Nhà nước.

**Điều 70. Sử dụng kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được sử dụng làm căn cứ để:

1. Đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp;
2. Người học lựa chọn cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp;
3. Người sử dụng lao động tuyển dụng lao động;
4. Nhà nước thực hiện đầu tư, đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

**CHƯƠNG VII**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 71. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.
2. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
  - a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát

triển giáo dục nghề nghiệp;

b) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục nghề nghiệp;

c) Quy định mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo; danh mục nghề đào tạo ở các trình độ; tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo; ban hành quy chế tuyển sinh, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp;

d) Quy định việc đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

đ) Quản lý và tổ chức thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

e) Thực hiện công tác thống kê, thông tin về tổ chức và hoạt động đào tạo nghề nghiệp;

g) Tổ chức bộ máy quản lý giáo dục nghề nghiệp;

h) Quản lý và tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, người dạy các chương trình đào tạo thường xuyên;

i) Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực để phát triển giáo dục nghề nghiệp;

k) Quản lý, tổ chức công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về đào tạo nghề nghiệp;

l) Quản lý, tổ chức công tác hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp;

m) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo thẩm quyền và trực tiếp quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp của bộ, ngành mình (nếu có) theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo phân cấp của Chính phủ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu nhân lực của địa phương; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về

giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, các tổ chức, cá nhân có tham gia giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo thẩm quyền; thực hiện xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp; nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp tại địa phương.

5. Chính phủ quy định cụ thể thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

### **Điều 72. Thanh tra giáo dục nghề nghiệp**

1. Cơ quan được giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp.

2. Thanh tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Thanh tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về giáo dục nghề nghiệp;
- b) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về giáo dục nghề nghiệp;
- c) Xác minh, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo về giáo dục nghề nghiệp;
- d) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thanh tra.

3. Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

### **Điều 73. Xử lý vi phạm**

1. Người nào có một trong các hành vi sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật:

- a) Thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp trái quy định của pháp luật;
- b) Vi phạm các quy định về tổ chức, hoạt động của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp;
- c) Xuất bản, in, phát hành tài liệu trái quy định của pháp luật;

d) Làm hồ sơ giả, vi phạm quy chế tuyển sinh, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ;

đ) Xâm phạm nhân phẩm, thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; ngược đãi, hành hạ người học;

e) Vi phạm quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

g) Gây rối, làm mất an ninh, trật tự trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

h) Làm thất thoát kinh phí, lợi dụng hoạt động giáo dục nghề nghiệp để thu tiền sai quy định hoặc vì mục đích vụ lợi;

i) Gây thiệt hại về cơ sở vật chất của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

k) Các hành vi khác vi phạm pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

2. Chính phủ quy định cụ thể việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

#### **Điều 74. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG VIII

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 75. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

2. Luật dạy nghề số 76/2006/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

#### **Điều 76. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục**

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật giáo dục số 38/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 44/2009/QH12 như sau:

1. Điểm c và điểm d khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

c) Giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác;

d) Giáo dục đại học và sau đại học (sau đây gọi chung là giáo dục đại học) đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.”;

2. Điểm d khoản 1 Điều 51 được sửa đổi, bổ sung như sau:

d) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định đối với trường dự bị đại học; Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quyết định đối với trường cao đẳng.”;

3. Khoản 3 Điều 70 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Nhà giáo giảng dạy ở cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp gọi là giáo viên. Nhà giáo giảng dạy trong các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học gọi là giảng viên.”;

4. Thay thế các cụm từ trong một số điều như sau:

a) Thay cụm từ “trung tâm dạy nghề” bằng cụm từ “trung tâm giáo dục nghề nghiệp” tại điểm b khoản 1 Điều 83;

b) Thay cụm từ “lớp dạy nghề” bằng cụm từ “lớp đào tạo nghề” tại điểm a khoản 1 Điều 69 và điểm b khoản 1 Điều 83;

c) Thay cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề” bằng cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương” tại các điều 45, 50, 51, 52, 54, 77, 105 và 113;

d) Thay cụm từ “cơ sở dạy nghề” bằng cụm từ “cơ sở giáo dục nghề nghiệp” tại khoản 3 Điều 54;

đ) Thay cụm từ “trường dạy nghề” bằng cụm từ “cơ sở giáo dục nghề nghiệp” tại khoản 1 Điều 89;

5. Bỏ các cụm từ trong một số điều như sau:

a) Bỏ cụm từ “trình độ cao đẳng,” tại khoản 2 Điều 40 và khoản 1 Điều 41;

b) Bỏ cụm từ “trường cao đẳng,” tại Điều 41, điểm d khoản 1 Điều 51 và Điều 79;

c) Bỏ cụm từ “các trường cao đẳng và” tại đoạn 3 khoản 2 Điều 41;

d) Bỏ cụm từ “và lớp trung cấp chuyên nghiệp” tại điểm a và cụm từ “Trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp; trung tâm dạy nghề” tại điểm

b khoản 1 Điều 69;

6. Bãi bỏ Mục 3 Chương II - Giáo dục nghề nghiệp gồm các điều 32, 33, 34, 35, 36 và 37; bãi bỏ khoản 5 Điều 30, khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39, đoạn 2 khoản 1 Điều 40, điểm a khoản 1 Điều 42, khoản 1 Điều 43, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 77.

### **Điều 77. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học**

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 như sau:

1. Thay thế cụm từ “trường trung cấp chuyên nghiệp” bằng cụm từ “trường trung cấp” tại khoản 3 Điều 37;

2. Bỏ các cụm từ trong một số điều như sau:

a) Bỏ cụm từ “cao đẳng,” tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5, Điều 33, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 36 và khoản 4 Điều 45;

b) Bỏ cụm từ “trình độ cao đẳng,” tại khoản 1 Điều 6;

c) Bỏ cụm từ “trường cao đẳng,” tại Điều 2, khoản 8 Điều 4, khoản 1 Điều 11, Điều 14, khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 4 Điều 27 và Điều 28;

d) Bỏ cụm từ “Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận xếp hạng đối với trường cao đẳng” tại khoản 5 Điều 9;

đ) Bỏ cụm từ “có trình độ thạc sĩ trở lên đối với hiệu trưởng trường cao đẳng” tại điểm b khoản 2 Điều 20;

e) Bỏ cụm từ “bằng tốt nghiệp cao đẳng” tại khoản 1 Điều 38;

g) Bỏ cụm từ “chương trình đào tạo cao đẳng” tại Điều 59;

3. Bãi bỏ điểm a khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 7, đoạn 2 khoản 1 Điều 27, đoạn 2 khoản 2 Điều 27 và điểm a khoản 1 Điều 38.

### **Điều 78. Điều khoản chuyên tiếp**

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tuyển sinh trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục tổ chức đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ cho người học theo quy định của Luật giáo dục số 38/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 44/2009/QH12, Luật dạy nghề số 76/2006/QH11 và Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 cho đến

khi kết thúc khóa học.

**Điều 79. Quy định chi tiết**

Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

---

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2014.*

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Sinh Hùng



## **LAW ON VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING**

*Pursuant to the Constitution of the Socialist Republic of Vietnam;*

*The National Assembly promulgates the Law on Vocational Education and Training.*

### Chapter I

#### **GENERAL PROVISIONS**

##### **Article 1. Governing scope**

This Law provides regulations on vocational education and training system; organization and operation of vocational education institutions; rights and obligations of organizations and individuals participating in vocational education and training activities.

##### **Article 2. Subjects of application**

This Law is applied to centers of vocational education and training, secondary vocational schools, vocational colleges; enterprises, agencies, organizations and individuals concerned with vocational education and training activities in Vietnam.

##### **Article 3. Interpretation of terms**

In this Law, the below-listed terms are understood as follows:

1. *Vocational education and training* is an integral part of the national education system with the aim to deliver vocational education and training programs of elementary, intermediate and diploma levels and other professional training for laborers, to meet the demand of workforce in direct production, business and services. The training can be delivered in two modes namely formal training and continuing training.

2. *Vocational training* means activities of teaching and learning, which aim to equip trainees with necessary professional knowledge, skills and attitude so that they can find jobs or self-employ after completing the training courses or upgrading their occupational qualification.

3. *Modules* are study units into which professional knowledge, practical skills and professional attitude are comprehensively integrated with a view to helping trainees acquire the competency to complete one or a number of tasks of an occupation.

4. *Credit* is the unit to measure the quantity of knowledge, skills and learning results accumulated over a specific period of time.

5. *Formal vocational education and training* is the form of full-time training organized by vocational education and training institutions, higher education institutions, enterprises that have vocational education and training registration (hereinafter referred to as “registered vocational education and training institutions”) to deliver the training programs at elementary, intermediate and diploma level.

6. *Continuing vocational education and training* is the form of training-on-the-job, distance learning or guided self-learning implemented in a flexible manner in terms of curricula, duration, method, place of training, suitable to trainees’ needs for vocational education and training of elementary, intermediate levels and diploma level and other vocational education and training programs.

7. *Private vocational education and training institutions and foreign - invested vocational education and training institutions operating not-for-profit* are vocational education and training institutions whose annually accumulated profits is added to common assets, not for sharing, instead, are used for reinvestment in the institutional development; shareholders or capital contributors do not take dividend or do, but not exceeding the interest rate of government bond.

8. *Enterprises* include enterprises established and operated in accordance with the regulations of Enterprise Law, cooperatives established and operated in accordance with the regulations of Cooperative Law, other economic organizations that have the legal status in accordance with the regulations of Civil Law.

#### **Article 4. Objectives of vocational education and training**

1. Overall objective of vocational education and training is to train workforce directly involved in production or services to grasp professional working capabilities commensurate with training levels, to possess professional ethics, good health and professional accountability; to have ability of creativeness, adaptation to working environments in the context of international integration; to ensure increase labour productivity and labour quality; to create conditions for trainees, after graduation, to find jobs, self-employ or pursue their further study.

2. Specific objectives for each level of vocational education and training are as below:

a) Deliver vocational education and training at elementary level so that trainees have adequate knowledge and skills to complete simple tasks of an occupation;

b) Deliver vocational education and training at intermediate level so that trainees have adequate knowledge and skills to implement tasks of elementary vocational education and training level and some sophisticated tasks in selected situations; to have the ability of application of techniques, technology in task implementation, to work independently, in group;

c) Deliver vocational training at diploma level so that trainees have adequate knowledge and skills to implement tasks of secondary vocational education and training level and sophisticated tasks of an occupation; have the ability of creativeness, application of modern techniques, technology in task implementation, be able to guide and supervise other people of the task team.

#### **Article 5. Vocational education and training institution**

1. Vocational education and training institutions include:

a) Vocational education and training centers;

b) Secondary vocational education and training schools;

c) Vocational education and training colleges.

2. Vocational education and training institutions are organized in the following types:

a) Public vocational education and training institutions include those owned

by the State, those whose infrastructure is invested and constructed by the State.

b) Private vocational education and training institutions include those owned by social organizations, social-professional organizations, private or individual economic organizations; those whose infrastructure is invested and constructed by social organizations, social-professional organizations, private economic organizations or individuals.

c) Foreign-invested vocational education and training institutions include those with 100% foreign capital; those of joint ventures between domestic and foreign investors.

## **Article 6. State policies on development of vocational education and training**

1. Develop an open, flexible, diversified system of vocational education and training towards standardization, modernization, democratization, socialization and international integration, with permeability between vocational education and training levels and with other education and training levels.

2. Investment in vocational education and training will be prioritized in socio-economic development plan, human resource development plan. Budget for vocational education and training is prioritized within the total budget spending for education, training; is allocated on the principles of publicity, transparency, timeliness.

3. Make investments in improving vocational education and training quality in according with plans; focus on establishing a number of high-quality vocational education and training institutions to meet human resource demands of the labor market, vocational training demands of laborers and step by step achieve vocational education and training universalization for youth.

4. The State has policies to stream graduates of junior secondary schools and high schools to vocational education and training as required by each socio-economic development period.

5. Priority is given to synchronous investment in training for national focal occupations, occupations approaching regionally and internationally advanced levels, special attention to be given to the development of vocational education and training in socio-economically disadvantaged areas, ethnic minority, border, island and coastal areas; investment in vocational education

and training for occupations demanded by the labour market but having difficulty in socialization.

6. The State implements mechanism of tendering vocational education and training orders for occupations of particular characteristics, occupations of the leading economic sectors, occupations demanded by the labour market but having difficulty in socialization. Vocational education and training institutions of any kinds of ownership are eligible to participate in bidding for contracts and order regulated in this article.

7. Support people having contributions to the revolution, demobilized soldiers, ethnic minority people, people from poor and nearly poor households, people with disabilities, orphans and children without care, distant-water fishermen, rural labours, labourers of the households having farm land collected, and other groups of people eligible to special social care in order to provide them opportunity of vocational education and training for finding job, self-employment, developing themselves and setting up their careers, in realisation of gender equality in vocational education and training.

8. The State creates favorable conditions for vocational education and training institutions to organize scientific research and studies, application of technology; coordinate vocational education and training with scientific research and production, services in order to improve training quality.

### **Article 7. Socialization of vocational education and training**

1. Diversify types of vocational education and training institutions, forms of vocational education and training; encouraging, and creating favourable conditions for social, socio-political, social-professional organisations, other organizations, Vietnamese and foreign organizations and individuals, Vietnamese people living abroad to establish vocational education and training institutions and to participate in vocational education and training activity.

2. Organizations, individuals having contribution to, investment in construction of vocational education and training institutions are eligible to encouragement policy of socialization as regulated by the Government. Incentives are in forms of land, tax, credit, training teachers and management staff, renting technical facilities, equipment in order to encourage private and foreign – invested vocational education and training institutions which

operate not for profit.

3. Encourage craftsmen and highly skilled people to participate in vocational education and training; encourage, support training of traditional occupations and trades in rural areas.

4. Socio-political, social, socio-professional organizations within their authority are responsible for participating together with the state in elaboration of strategy, plan, policy of vocational education and training development; supervising implementation of policy, law on vocational education and training in accordance with regulations by law.

5. Vietnam Chamber of Commerce and Industry, business associations, professional associations are responsible for participating in formulation, appraisal of vocational education and training program framework; communicating with, mobilizing, facilitating enterprises to exercise their rights and responsibilities in vocational education and training.

#### **Article 8. Planning network of vocational education and training institutions**

1. The planning of network of vocational education and training institutions is conducted in accordance with following principles:

a) In line with socio-economic development plans and strategies, planning of human resources development of the country, sectors, localities and investment capability of the State, the ability to mobilize resources from the society;

b) Ensuring structure of occupations, levels and areas; diversity, synchronism of the vocational education and training systems, attaching vocational education and training with production and services; step by step improving training quality, serving the cause of industrialization, modernization and international integration.

2. Contents of the planning of network of vocational education and training institutions include:

a) Structure of vocational education and training network and training scale by occupations, training levels, types of vocational education and training institution;

b) Distributing vocational education and training institutions by areas, localities;

c) Developing vocational education and training teachers and management staff;

d) Investing in physical facilities, equipment for vocational education and training.

3. The responsibilities to organize the implementation organization of the planning are regulated as below:

a) State management agency in vocational education and training at central level assumes the coordination of concerned ministries, sectors, People's Committees in central provinces/cities (hereafter called provincial People's Committees) in formulating the planning on vocational education and training network in Vietnam and submit to the Prime Minister for approval; organizing inspection, supervision of the planning implementation;

b) Ministries, sectors, provincial People's Committee, based on the planning on vocational education and training network in Vietnam, formulate and approve the planning of vocational education and training institution network for their own ministries, sectors and localities and take the responsibility to direct the implementation of such planning.

### **Article 9. Permeability in vocational education and training**

1. Permeability in vocational education and training is implemented based on training program; trainees when moving from a lower training level to higher one in the same occupation or shifting to another occupation, or training level do not need to learn again contents already covered.

2. Rector of secondary general school, college, based on the vocational education and training program, makes decision on which modules, subjects or contents trainees do not need to learn again.

3. Permeability between vocational education and training levels is implemented in accordance with regulations of Head of state management agency of central level of vocational education and training; permeability between vocational education and training levels and training levels of higher education system is implemented in accordance with regulations of by the Prime Minister.

## Chapter II

### VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING INSTITUTION

#### Item 1

#### ORGANIZATION OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING INSTITUTION

##### **Article 10. Organizational structures of vocational education and training institutions**

1. Organizational structure of a public and private secondary general schools and colleges includes:

a) School Council for public secondary general schools and colleges; Board of Management for private secondary general schools and colleges;

b) Rector, Deputy Rector;

c) Professional and functional divisions;

d) Faculties and departments;

e) Advisory boards;

f) Affiliates; scientific and technological research organizations; organizations which support training, research and development; units for production, business and services (if any).

2. Organizational structure of a public and private vocational education and training center includes:

a) Director, Deputy director;

b) Professional and functional divisions;

c) Departments;

d) Advisory boards;

e) Organizations which support training, business and services (if applicable).

3. Foreign-invested vocational education and training institutions are autonomous in their organizational structure.



## **Article 11. School council**

1. School council is established in public secondary general schools and colleges.

2. School council is the administration body, representative for ownership of the school. School council has the following duties and authority:

a) To make decision on development orientations, objectives, plans, strategies and projects of institution; regulation on organization and operation of institution.

b) To make decision on training and international cooperation activities;

c) To make resolution regarding policy of using finance, assets and direction of development investment of the institution as regulated by law;

d) To make resolution regarding organizational structure of institution; regarding establishment, merger, separation, dissolution of organizations of the school body; regarding the request to dismiss the rector.

e) To supervise the implementation of resolutions of the school council and regulations on democracy in activities of the institution.

3. Members of the school council include:

a) The Rector, Vice Rectors, Secretary of the Communist Party cell of the school, chairman of trade union, secretary of Ho Chi Minh Communist Youth Union, representatives of some divisions, faculties, units of production, enterprises of school (if any);

b) Representatives of superior authority or related production and services units.

4. The school council chairman is appointed by the competent (authorized) head of the state management agency. Qualities and qualifications of the chairman of the school council are the same to those applied to the rector regulated at Clause 2 of Article 14 of this Law.

5. Tenure of the school council is 5 years and following the tenure of the rector. The school council operates on the principle of collectivity, decision made by the majority.

6. Jurisdiction, procedures on establishment, number of members, organizational structure, specific duties and authority of the school council,

duties and authority of the chairman, secretary of the school council; appointment, dismissal of chairman and members of the school council are regulated in the charters of secondary general school, college, and the regulations on organization and operation of vocational education and training institution.

## **Article 12. Board of management**

1. Board of management is established in private secondary general schools, colleges.

2. Board of management is the only representative organization for the owner of school. Board of management has the following duties and authorities:

a) Organize implementation of resolutions of the shareholder general meeting;

b) Make resolution regarding development direction, objectives, strategies, overall planning, development plan and organizational and operational mechanism of the school;

c) To make decisions regarding organizational structure of school; regarding establishment, merger, separation, dissolution of organizations of the school/college; regarding the appointment and dismiss of the rector and request to authorized governmental agencies to recognize or derecognize the rectorship.

d) To make decision on training and international cooperation activities;

e) Make resolution regarding organization, human resources, finance, assets and development investment direction of the school;

f) Supervise implementation of resolutions issued by Board of management, democracy regulation in the school's activities.

3. Members of Board of Management include:

a) Representatives of organizations, individuals who have adequate amount of capital contribution as regulated.

b) Rector; representatives of local authority where the headquarter of the vocational institution is located or representatives of related businesses, production and services units;

c) Representatives of the Party, mass organizations, teaching staff.

4. Chairman of Board of management is elected by Board of Management by majority rule and secret ballot;

Chairman of Board of management is the account owner, responsible to the law for financial and asset management of the school. Chairman of Board of Management can authorize the rector to act as the representative for account owner, implement rights and obligations as account owner within authorization.

5. Tenure of Board of management is 5 years. Board of management operates on the principles of collective decision making, decision by majority.

6. Procedures on establishment, number and structural representation of members; duties and authority of Board of management; standards, duties and authority of the chairman, secretary of Board of management are regulated in the charter of secondary general school, college and regulations on organization and operation of vocational education and training institutions.

### **Article 13. Director of vocational education and training center**

1. Director of vocational education and training center is the head of the center and represent the vocational education and training center to the law, responsible for managing activities of vocational education and training center.

The tenure of the director of vocational education and training center is 5 years.

2. The director of a vocational education and training center must fully meet the following criteria:

a) Possessing good quality and morals;

b) Possessing a college diploma or higher degree;

c) Being trained and fostered on vocational education and training management;

d) Having good health.

3. The director of vocational education and training center has following duties and authority:

a) Issue regulations, rules applicable within the vocational education and

training center;

b) Make decision on the establishment, merger, separation, dissolution of organizations subordinate to such vocational education and training center; the appointment, dismiss of heads and deputy heads of organizations subordinate to the vocational education and training center;

c) Make planning and develop teaching and management staff; make decisions about the personnel structure and quantity of employees and about productivity-based salary; recruit employees and staff in accordance with the demand of vocational education and training center; sign work contracts, labor contracts, deploy hired staff and workers and terminate contracts as regulated by law;

d) Organize to implement training, international cooperation and accreditation activities and collaborate with enterprises in organizing vocational training; organize career guidance activities for secondary school students;

e) Manage the facilities, assets, finance of the vocational education and training center and efficiently utilize mobilized resources for training activities of the vocational education and training center as regulated by law;

f) Implement information reporting and be subject to monitoring, inspection and testing as regulated by law;

g) Establish and implement democracy at grassroots level; receive opinions of and subject to monitoring of individuals, organizations, social organizations in the vocational education and training center;

h) Annually report to the direct supervising agency on the results of the center's implementation of its tasks;

i) Other tasks and authority as regulated by law.

4. Authority to appoint, recognize, dismiss, remove the director of vocational education and training center is regulated as below:

a) Competent officials decide or permit the establishment of vocational education and training centers are entitled to appoint, dismiss, remove the director of such vocational education and training center;

b) Chairman of Provincial People's Committee decides to recognize or not

to recognize the director of private vocational education and training centers of their respective provinces as proposed by those contribute the capital to establish the center or those who own such private vocational education and training center;

5. The procedure of appointing, recognizing, dismissing and removing director of vocational education and training center is regulated in Regulations on Vocational Education and Training Centers.

#### **Article 14. Rector of secondary general school, college**

1. Rector of secondary general school, college is the head of such secondary general school, college, represent for such secondary general school, college to the law, responsible for managing activities of such institutions. The tenure of the rector is 5 years. The rector is appointed and reappointed by tenure and with no more than two consecutive tenures.

The rector of public secondary general school, college is the account owner, responsible to the law for the financial and asset management of the school.

2. Rector of secondary general school, college must fully meet the following criteria:

a) Possess good virtues and morals; having experience in vocational education and training or participating in vocational education and training management for at least 5 years;

b) Possess a university diploma or higher degree for rector of secondary general school; a master or higher degree for rector of college;

c) Have been trained, fostered on vocational education and training management;

d) Have good health status. The age of rector at the time of being appointed as rector of public secondary general school, college must ensure at least one tenure.

3. The Rector of secondary general school, college has following duties and authority:

a) Issue regulations, rules applicable within secondary general school, college in accordance with the resolutions by the school council, board of management;

b) Organize to implement the resolutions by school council, board of management;

c) Make decision regarding the establishment, merger, separation, dissolution of subordinate organizations in accordance with the resolution of school council, board of management; appoint, dismiss and remove heads and deputy heads of organizations subordinate to the institution;

d) Make planning and develop teaching and management staff; make decisions about the personnel structure and quantity of employees and about productivity-based salary; recruit employees, staff in accordance with the demand of vocational education and training institutions; sign work contracts, labour contracts, deploy hired staff and workers and terminate contracts as regulated by law;

e) Organize to implement training, international cooperation and accreditation activities and collaborate with enterprises in organizing vocational training;

g) Manage the facilities, assets, finance of the vocational education and training center and efficiently utilize mobilized resources for training activities of the vocational education and training institutions as regulated by law;

h) Implement information reporting and be subject to monitoring, inspection and examining as regulated by law;

i) Establish and implement democracy at grassroots level; subject to monitoring of individuals, organizations, social organizations in the school/ college;

j) Annually report to the school council, board of management on the results of the rector's implementation of his tasks;

k) Other tasks and authority as regulated by law.

4. The authority of appointing, recognizing, dismiss, remove the rector of secondary general school, and of college is regulated as follows:

a) Ministers, Heads of ministerial-level agencies, Heads of governmental agencies, Chairman of provincial People's Committee, Heads of central bodies of socio-political organizations shall appoint, dismiss, remove the rectors of their affiliated public secondary general schools, colleges;

b) Chairman of provincial People’s Committee recognizes or unrecognizes the rector of private secondary general school in their respective localities at the request of the board of management owning such schools;

c) The Head of the state management agency of vocational education and training at central level recognizes or unrecognizes the rector of private college at the request of the board of management owning such colleges.

5. Procedures on appointment, recognition, dismissal, removal of the rector of secondary general school, college comply with charter of secondary general schools, colleges.

### **Article 15. Advisory board**

1. Advisory board in vocational education and training institution is established by the head of such institution in order to provide advices, within its authority and scope, to the head of vocational education and training institution in implementing a number of tasks.

2. Organization, operation, duties and authority of the Advisory board are stipulated by the head of vocational education and training institution.

### **Article 16. Affiliates of secondary general school, college**

1. Affiliates of secondary general school, college are part of the organizational structure of the school/college and are subject to the management and operation by the head of the secondary general school, college. Affiliates of secondary general school, college which are not independent legal entities, located in central provinces/cities differed from the location where the head office of secondary general school, college are based, are subject to management by the local government where they are located as regulated by law.

2. Affiliates of secondary general school, college implement tasks as assigned by the head of the secondary general school, college and have to report to the head of school/college about the affiliate’s activities and to report to competent local governmental agencies about activities related to the locality’s authority of management.

3. Conditions for establishment or permission of establishment, of vocational education and training institution, competence and authority of establishment, procedures of establishment or permission of establishment, registration for providing vocational educational training services of affiliates

of secondary general school, college are implemented in accordance with regulations stated in Article 18 and Article 19 of this Law.

**Article 17. Organizations of Communist Party of Vietnam, mass organizations, social organizations in vocational education and training institutions**

1. Organizations of Communist Party of Vietnam, mass organizations and social organizations in vocational institutions operate in accordance with their respective charters and regulations of the Constitution and laws.

2. Vocational education and training institutions are responsible for creating favorable conditions for organizations of Communist Party of Vietnam, mass organizations and social organizations to be established and operated as regulated in Clause 1 of this article.

**Article 18. Establishment, merger, separation or permission of establishment, merger and separation of vocational education and training institutions**

1. Vocational education and training institution is established or permitted to establish when there is the project of establishment meeting the regulations issued by the Head of central state management agency and being in line with the approved planning of vocational education and training institution network.

2. Foreign-invested vocational education and training institution must meet conditions regulated at Clause 1 of this Article and other conditions of investment as regulated by law.

3. Vocational education and training institution for people with disabilities must ensure conditions regulated at Clause 1 and Clause 2 of this Article and the following conditions:

a) Physical facilities, equipment for vocational education and training; syllabus, method and time span of vocational education and training must be suitable for people with disabilities. Construction works serving vocational education and training of people with disabilities must comply with technical standards and criteria of construction as regulated by law;

b) Teachers have professional knowledge, skills in teaching people with disabilities.



4. Merger and separation of vocational education and training institutions must meet the following criteria:

a) Go in line with the planning for vocational education and training network, meet the requirements of socio-economic development;

b) Ensure the rights and benefits of teachers, staff, labours and trainees; contribute to the improvement of training quality and efficiency of vocational education and training.

5. Conditions for establishment, merger, separation or permission of establishment, merger and separation of vocational education and training institutions are stipulated by the Head of the state management agency in vocational education and training at central level.

6. Authority and competency for establishment, merger, separation or permission of establishment, merger and separation of vocational education and training institutions are regulated as below:

a) Chairman of Provincial People's Committee decides to establish public vocational education and training centers, public secondary general schools of central provinces and municipalities; permits the establishment of private vocational education and training centers, private secondary general schools, foreign-invested vocational education and training centers, secondary general schools in their localities;

b) Ministers, Heads of ministerial-level agencies and Heads of central bodies of socio-political organizations decide the establishment of their affiliated vocational education and training centers, secondary general schools;

c) The head of state management agency in vocational education and training at the central level decides establishment of public colleges; permits the establishment of private, foreign-invested colleges.

d) Competent officials who have the authorities to decide or permit the establishment of vocational education and training institutions are entitled to merge, split, separate, and dissolve institutions of vocational education and training.

7. The procedures on establishment, merger, separation or permission of establishment, merger, separation of public and private vocational education and

training centers, secondary general schools, colleges are stipulated by the Head of state management agency in vocational education and training at central level;

The procedures on establishment, merger, separation or permission of establishment, merger, separation of foreign-invested vocational education and training institutions must comply with the regulations of the Government.

### **Article 19. Registration for delivery of vocational education and training**

1. Vocational education and training institution is granted the license to deliver vocational education and training if satisfying all of the following conditions:

- a) Having decision of establishment or decision of permission of establishment;
- b) Having land, physical facilities, equipment meeting the requirements of vocational education and training as having committed;
- c) Having adequate curriculum, syllabus, teaching and learning material as regulated;
- d) Having contingent of teachers and vocational education and training management staff satisfying standards on professional knowledge, sufficient quantity and synchronous structure;
- e) Having sufficient financial resources to ensure the maintenance and development of vocational education and training activities as regulated by law;
- f) Having charter, regulations on organization, operation.

2. Only vocational education and training institutions which have been given the license for delivery of vocational education and training can recruit students and deliver their training.

3. When changing contents stated in the license for delivery of vocational education and training, registered vocational education and training institutions must process additional registration with competent authorities.

4. Head of state management agency in vocational education and training at central level regulates specific conditions, authority and procedures of granting and revoking license for vocational education and training delivery

or certificate of additional registration for vocational education and training delivery.

## **Article 20. Suspension of registered vocational education and training delivery**

1. Registered vocational education and training institution is suspended vocational education and training delivery in the following cases:

- a) Committing fraudulence to be established or permitted to establish, granted license to deliver vocational education and training;
- b) Failing to satisfy one of conditions regulated at Clauses 1 of Article 19 of this Law;
- c) Organizing delivery of vocational education and training without having granted license for vocational education and training delivery;
- d) Violating of the provisions of the law on vocational education and be sanctioned at administrative level to suspend operations;
- e) Other cases as regulated by law.

2. Decision on suspension of vocational education and training delivery must state specifically reasons of suspension, duration of suspension, measures ensuring legal benefits of teachers, lecturers, laborers and trainees. Decision on suspension of vocational education and training delivery is publicized through the mass media.

3. Person who has competence in establishing, permitting establishment, permitting vocational education and training delivery has competence in suspending vocational education and training delivery.

4. After duration of suspension, if causes leading to suspension are surmounted, competent person who decides suspension will permit to continue vocational education and training delivery.

## **Article 21. Dissolution of vocational education and training institution**

1. Vocational education and training institutions are dissolved in the following cases:

- a) Violating regulations of the law causing serious consequences;
- b) When the expiration of the vocational education and training suspension

is over, but vocational education and training institutions still fail to address causes of suspension;

c) They are not granted license to deliver vocational education and training after duration of 36 months for college, secondary general school; 24 months for vocational education and training center since the date decided to establish or permitted to establish takes effect;

d) Not implementing training activities during 24 months since the date they receive license to deliver vocational education and training.

2. The vocational education and training institution will be granted the permission to dissolve by the request of organization, individual that established this vocational education and training institution.

3. Decision on dissolution of vocational education and training institution must state specifically reasons for dissolution, measures ensuring legal interests of teachers, lecturers, trainees and laborers. Decision on dissolution of vocational education and training institution must be publicized through the mass media.

4. Person who has competence in establishing, permitting establishment has competence to dissolve or to permit dissolution of vocational education and training institution.

## **Article 22. Charter of vocational education and training institutions**

1. The charter of vocational education and training centers, the charter of secondary general schools and colleges are promulgated by the Head of the state management agency in vocational education and training at central level.

2. The charter of vocational education and training institutions covers the following main contents:

a) Visions and missions;

b) Tasks and authority;

c) Organization of vocational education and training activities;

d) Tasks and rights of teachers and vocational education and training management staff;

e) Tasks and rights of trainees;

f) Organization and management of the vocational education and training institution;

g) Finance and assets of school;

h) Relationship between school, enterprise, family and society.

3. Vocational education and training institutions shall, based on the charter, formulate their own organizational and operational mechanism and publically announce it on the premises of the institutions.

### **Article 23. Duties and authority of private and public vocational education and training institutions**

1. Develop strategies and plan to develop vocational education and training institutions.

2. Organize training for levels of training as regulated below:

a) Vocational education and training center organizes elementary level vocational education and training, vocational education and career guidance for school students in accordance with the curriculum of schooling system;

b) Secondary general school organizes elementary and intermediate level vocational education and training;

c) College organizes vocational education and training of elementary, intermediate, diploma levels.

3. Organize continuing vocational education and training as prescribed at Item 2, Chapter III of this Law.

4. Be autonomous and self-accountable in student recruitment and management.

5. Publicize vocational education and training objectives and programs; conditions for quality assurance of teaching and learning; level of tuition fee and tuition remission; result of vocational education and training quality accreditation; the system of certificates and diplomas of vocational education and training institution; potential placements after graduation and measures of assessing and monitoring vocational education and training quality.

6. Organizing teaching and learning work according to vocational education and training objectives and programs; issuing vocational certificates, diplomas as regulated; organizing trainees' learning, practice, internship in enterprises

through contracts signed with enterprises;

7. Being eligible for using vocational education and training programs of other foreign countries whose quality is recognized by internationally prestigious education and training organizations in implementing their vocational education and training task in accordance with regulations of law.

8. Implementing joint vocational education and training activities in country; implementing joint vocational education and training activities with foreign countries as regulated by this Law and related laws.

9. Mobilizing, managing, using resources as stipulated by law.

10. Constructing, investing in physical facilities, vocational education and training equipment according to requirements of standardization and modernization.

11. Recruiting, using, managing teachers, staff, officials in accordance with regulations of law; facilitating vocational trainers to participate in production internship in enterprises to update and improve their professional skills; facilitating teachers, staff and officials and vocational trainees to participate in social activities.

12. Implementing vocational education and training quality accreditation and assurance as regulated.

13. Providing free-of-charge consultancy on vocational education and training, job placement for vocational trainees.

14. Being allowed to establish enterprise and organize science and technology activities, production, business and services as regulated by law.

15. Integrating teaching of foreign language, customs and relevant law of foreign countries where laborers go to work and relevant Vietnamese law into vocational education and training programs when organizing vocational education and training for laborers who go to work overseas.

16. Carrying out scientific research to improve training quality; applying research results, transferring technology to production and service provision.

17. Realizing democratization statute in activities of vocational education and training institution as regulated by law.

18. Providing the mechanism which enables vocational trainees, vocational

teachers and society to participate in evaluation of vocational education and training quality.

19. Implementing information policies, reporting and being subject to monitoring, inspection and assessment as regulated by law.

20. Other duties and authority as regulated by law.

#### **Article 24. Duties and authority of foreign-invested vocational education and training institutions**

1. Being protected with legal rights and interests as regulated by Vietnamese law and international treaties in which the Socialist Republic of Vietnam acts as member.

2. Ensuring legal rights and interests of vocational trainers and trainees and other laborers, even in case the vocational education and training institution is terminated operation, dissolved or forced to terminate operation before the expiry date.

3. Following Vietnamese law, customs and habits.

4. Implementing other rights and responsibilities as regulated in Article 23 of this Law.

#### **Article 25. Autonomy of vocational education and training institution**

1. Vocational education and training institution is entitled to autonomy in terms of the organization and personnel, finance and assets, training and technology, international cooperation, vocational education and training quality assurance as regulated by law; is accountable to its state management agency, trainees and the society on its organization, operation management and quality assurance.

2. Public vocational education and training institution that can ensure all of its regular expenses and investment spending is entitle to be comprehensively autonomous and self accountable manner as regulated by the Government.

3. Vocational education and training institution that is incapable of implementing its autonomy or violates the law during implementing its autonomy, depending on seriousness of violation, will be treated in accordance with regulations of law.

## Item 2

### POLICY FOR VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING INSTITUTION

#### Article 26. Policy for vocational education and training institutions

1. Vocational education and training institutions are eligible for following policies:

a) The State provides policies on allocation or lease of land, physical facilities, credit incentives for investments in infrastructures or improvement of training quality; tax exemption, reduction as regulated by law on taxes; tax exemption for undistributed income which is used as reinvestment for development of socialized vocational education and training institutions; tax exemption, reduction as regulated by law for profits of products and services generated from vocational education and training activities; tax incentives for production and services relevant to/in the interest of the training, publication of syllabus, teaching materials, production and supply of vocational education and training equipment, import of books, magazines, materials and equipment for vocational education and training.

b) Participate in bidding for vocational education and training orders in accordance with regulations on tendering, ordering public non-business services funded by the state budget;

c) Apply for preferential loans from domestic and overseas projects, programs;

d) Participate in further training programs for vocational teachers and management staff in and out of the country funded by the state budget;

e) Policy on investment support with the aim to ensure conditions for vocational education and training institution to receive graduates from ethnic minority boarding high schools participating in vocational education and training courses;

f) Support-policy for vocational education and training institutions to develop occupations in order to meet demand of apprenticeship of laborers going to work abroad;

g) Policies on socialization encouragement as stipulated by law.



2. People's Committees at all levels create favorable conditions for vocational education and training institutions in their territory to carry out vocational education and training activities, disseminate scientific and technological progress and technology transfer.

**Article 27. Policy for vocational education and training institutions for people with disabilities**

1. The State encourages vocational education and training institutions to enroll people with disabilities for vocational education and training; encourages organizations and individuals to establish vocational education and training institutions especially for people with disabilities.

2. Vocational education and training institution for people with disabilities is entitled to policies specified in Article 26 of this Law and financed by the State for investment in physical facilities, vocational education and training equipment; are allocated with free-of-charge land or be allowed to hire land in locations convenient for the learning and training people with disabilities.

**Item 3**

**FINANCE, ASSETS OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING INSTITUTION**

**Article 28. Financial sources of vocational education and training institution**

1. State budget (if any).
2. Investment of domestic and overseas organizations, individuals.
3. Tuition fees, enrolment fees.
4. Revenues from activities of cooperative training, scientific technology, production, business and services.
5. Grants, aid, gifts, presents, offers from domestic and overseas organisations, individuals as stipulated by law.
6. Other legal revenues as regulated by law.

**Article 29. Tuition fee, enrolment fee**

1. Tuition fee, enrolment fee is the amount of money that trainees have

to pay to vocational education and training institution to cover training and enrolment expenditures.

2. Vocational education and training expenditures include expenditures with valid receipts on paying for trainers, learning materials, material, fuel used for practice, internship; depreciation of physical facilities, equipment and other expenditures used for vocational education and training.

3. Comprehensively autonomous and self-responsible public vocational education and training institutions are entitled to proactively develop and decide tuition fee, enrolment fee regulated by regulations on comprehensively autonomous and self-responsible public vocational education and training institutions.

Other public vocational education and training institutions are entitled to develop and decide the tuition fee, enrolment fee by occupations/specializations based on contents and methods of calculating tuition fee and enrollment fees and within the structures of tuition and enrolment fees as regulated by the Government.

4. Private vocational education and training institution, foreign-invested vocational education and training institution are entitled to proactively develop and decide the levels of tuition and enrolment fees.

5. Levels of tuition and enrollment fees must be publicized at the same time of enrollment announcement.

6. Vocational education and training institution delivering high quality training programs is allowed to decide the tuition fee that is corresponding to the training quality.

The Head of state management agency in vocational education and training at central level stipulates criteria for identification of high quality vocational education and training programs; is responsible for managing, supervising the collection of tuition fee corresponding to training quality.

### **Article 30. Physical facilities, equipment for vocational education and training**

Vocational education and training institution has to ensure vocational education and training equipment as defined in the list of required vocational education and training equipment and physical facilities regulated by the Head

of state management agency in vocational education and training at central level.

**Article 31. Management and use of financial sources and assets of vocational education and training institution**

1. Vocational education and training institution implements the regimes of finance, accounting, auditing, taxation and financial disclosure in accordance with regulations of law.

2. Vocational education and training institution funded by the state budget is responsible for managing, using state budget fund as stipulated by the law on state budget.

Public vocational education and training institution is entitled to make decisions on capital mobilization, on utilization of capital and assets relevant to its assigned tasks and for expansion and improvement of training quality as regulated by Head of state management agency in vocational education and training at central level.

3. Vocational education and training institution manages, uses assets covered by the state budget in accordance with regulations of law on management and use of state property; is autonomous and self-responsible for managing and using the assets generated from non-state budget funds.

4. Assets and land allocated by the State to private vocational education and training institution to manage and assets financed, supported, donated to private vocational education and training institution are used in line with their purposes, it is not allowed to change the use, and to change into private ownership in any forms.

5. The state management agencies in vocational education and training at central, ministries, ministerial-level agencies, provincial People's Committees level examine, inspect management and use of financial sources in vocational education and training institutions; management and use of state assets in vocational education and training institutions in accordance with regulations of the Government.

## Chapter III

# TRAINING AND INTERNATIONAL COOPERATION ACTIVITIES IN VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

### Item 1

#### FORMAL VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

##### **Article 32. Student recruitment for vocational education and training**

1. Registered vocational education and training institutions are permitted to determine the enrollment quota based on conditions of quality and quantity of teaching staff, physical facilities and equipment, relevance to the requirements of socio-economic development and human resource development plans.

2. The organization for admission is implemented as below:

a) Registered vocational education and training institutions carry out the enrolment of vocational trainees once or many times in a year, depending on set enrollment quota;

b) Enrolment of elementary vocational trainees is carried out in the form of aspiration admission;

c) Enrolment of intermediate vocational trainees, diploma vocational trainees is carried out in the form of aspiration admission or of exam-based or the combination of these two forms. Based on specific requirements of the training occupations, rectors of secondary general schools and colleges can make decision on preliminary selection before implementing aspiration admission or exam-based admission.

3. Cases eligible for immediate enrolment into collegiate level include:

a) Persons possessing high school diploma or having finished high school education and passed examinations of sufficient knowledge prescribed for high school education, possessing intermediate level degree at good or higher class and registering for the same training fields;

b) Persons possessing high school diploma or having finished high school education and passed examinations of sufficient knowledge prescribed for high school education, possessing secondary level degree, registering for the

same training field and having at least two years of experience in the respective trained occupations;

c) Cases as prescribed in Clause 2, Article 64 of this Law.

4. The Head of the state management agency in vocational education and training at central level regulates the determination of enrollment quota of vocational education and training institutions and promulgates regulations on admission.

### **Article 33. Time span of vocational education and training**

1. Time span for elementary level vocational education and training is conducted for between three months and less than one year but it must ensure the minimal amount of real learning time of 300 instructional hours for persons who have educational level corresponding to the occupations they learn.

2. Time span for intermediate level vocational education and training by annum for person possessing secondary school graduation diploma is conducted for between one and two years corresponding to the fields or occupations;

Time span for intermediate level vocational education and training by modules or credits is the time span for accumulating the sufficient number of modules or credits regulated for each vocational education and training program.

For trainees possessing secondary school graduation diploma, if wishing to further their study, they must accumulate additional educational contents of high school level and passed examinations of sufficient knowledge prescribed for high school education.

3. Time span for diploma level vocational education and training by annum is conducted for between two and three years depending on trained occupations for persons possessing high school diploma; between one and two years depending on trained occupations for persons possessing secondary level vocational education and training diploma for the same occupations and high school graduation diploma or having finished high school education and passed examinations of sufficient knowledge prescribed for high school education.

Time span for diploma level vocational education and training by accumulated modules or credits is the time span for accumulating sufficiently the number of modules, subjects for individual vocational education and training programs for persons possessing high school graduation diploma or having finished high school education and passed examinations of sufficient knowledge prescribed for high school education.

4. Minister of Education and Training regulates the accumulated knowledge on high school education which is sufficient for trainers to attend vocational education and training at diploma level.

### **Article 34. Vocational education and training programs**

1. Vocational education and training programs must meet the following criteria:

a) Vocational education and training program describes objectives of elementary, intermediate, diploma-level vocational education and training; stipulates exit standards on knowledge, skills for graduates; scope and structure of contents, method and form of vocational education and training; learning outcome assessment method for each module, subject, occupation and training level;

b) Vocational education and training program ensures the scientific characteristics, modernity, systematization, practicality, flexibility, responds to changes of labor market; distributes reasonably and appropriately time span between occupational knowledge and skills; creates favorable conditions for the permeability between vocational education and training levels and with other training levels in the national education system;

c) Vocational education and training program must be reviewed, updated, supplemented on a periodical basis in line with techniques, technology in production and services.

2. The Heads of vocational education and training institutions are autonomous, self-responsible for developing and approving vocational education and training programs of their own institutions or selecting and approving vocational education and training programs.

3. Heads of foreign-invested vocational education and training institutions are autonomous, self-responsible for developing implementing vocational education and training programs as regulated by the Head of state management

agency in vocational education and training at central level.

4. The Head of state management agency in vocational education and training at central level stipulates the minimum volume of knowledge and skills for each module, credit, subject in the training program and requirements on capabilities that trainees must gain upon their graduation corresponding to each level of vocational education and training; the procedures for development, appraisal and issuance of elementary, intermediate and diploma level vocational education and training programs.

### **Article 35. Vocational education and training syllabus**

1. Elementary, intermediate, diploma level vocational education and training syllabus specifies the requirements on knowledge, skills of each module, credit, subject in the vocational education and training program, enables to implement active teaching methods. The Head of vocational education and training institution decides the formation of syllabus appraisal council; organizes compilation or selection; approval of the syllabuses as official teaching and learning materials.

2. The Head of state management agency in vocational education and training at central level regulates the compilation, selection, appraisal, approval and use of syllabuses for vocational education and training.

### **Article 36. Requirements on vocational education and training method**

1. Elementary level vocational education and training methods must attach importance to training in occupational practical skills and promoting activeness and self-awareness of trainees.

2. Intermediate, diploma level vocational education and training methods must combine training in occupational practical capability with equipping professional knowledge; promote trainees' activeness, self-awareness, dynamics and capability to work independently, work in group; use teaching software and enhance application of information technology, communication in vocational teaching and learning.

### **Article 37. Organization and management of vocational education and training**

1. Vocational education and training program is implemented either by annum method or by modules, credits accumulation method. Vocational

education and training institution is autonomous, self-responsible for organizing implementation of vocational education and training programs by annum method or by the modules, credits accumulation method depending on specific conditions of each vocational education and training institution but must meet requirements of quality assurance as regulated for each vocational education and training program.

2. Vocational trainees accumulating sufficient number of modules, subjects as regulated in the respective training program will be recognized for having completed the training program; accumulated modules, credits will be recognized and do not need to be learnt again when pursuing other vocational education and training programs.

3. The Head of state management agency in vocational education and training at central level provides regulations on implementation organization of vocational education and training programs by annum and modules - credits accumulation methods and cooperation in implementation of vocational education and training programs.

### **Article 38. Certificates and degrees of vocational education and training**

1. Certificates and degrees of vocational education and training are issued to trainees upon their graduation of a level of vocational education and training. The granting of certificates and degrees of vocational education and training is regulated as below:

a) Trainees who have completed elementary level vocational education and training program, if meeting requirements, are allowed to take end of course tests, if satisfying requirements will then be awarded with certificate of elementary level vocational education and training by head of vocational education and training institutions, enterprises allowed to deliver vocational education and training;

b) Trainees who have completed intermediate level vocational education and training program by annum, if meeting requirements are allowed to take end of course tests, if satisfying requirements or students studying by modules - credits accumulation methods, who have accumulated sufficient number of required modules, credits shall be considered for graduation and be awarded with intermediate level vocational education and training certificates by the rector of secondary general school, college;



c) Trainees who have completed diploma level vocational education and training program by annum, if meeting requirements, are allowed to take end of course tests or carry out final projects, if satisfying requirements or students studying by modules - credits accumulation methods, who have accumulated sufficient number of required modules, credits shall be considered for graduation and be awarded with diploma level vocational education and training diplomas and recognized as bachelor of practical training or practical engineer by the rector of college or higher education institution;

2. Vocational education and training institution prints and award vocational education and training diplomas, certificates for trainees; publicizes information about diploma, certificate for trainees to know through electronic portal of the registered vocational education and training institution.

3. The Head of state management agency in vocational education and training at central level stipulates regulations of examination, testing; sample diploma, certificate of vocational education and training; printing, management, issuance, withdrawal, abolishment of diploma, certificate of vocational education and training; responsibility and authority of Vietnamese registered vocational education and training institution in issuing diploma, certificate of vocational education and training when engaging in cooperative training with foreign vocational education and training institutions; responsibility of foreign-invested vocational education and training institution in issuing diploma, certificate of vocational education and training in Vietnam; regulates the equivalent recognition of vocational education and training diploma, certificate for graduates of vocational education and training abroad; regulates procedures for recognition of vocational education and training diploma and certificates issued by foreign vocational education and training institution.

## **Item 2**

### **CONTINUING VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING**

#### **Article 39. Training contract**

1. Training contract is an agreement which is created orally or in writing regarding the rights and obligations between the head of the registered vocational education and training institution, vocational training class,

organizations and individuals and students participating in the continuing vocational education and training program as prescribed at Points a, b, c and d, Clause 1, Article 40 of this Law and in the case enterprises recruit people to be trained to work for them.

2. The training contract must contain the following contents:

- a) Name of occupation to be trained or skills to achieve;
- b) Location of training;
- c) Time of completing the course;
- d) The level of tuition and fees and payment methods;
- e) Responsibility for damages of each party when breaching the contract;
- f) Liquidation of the contract;
- g) Other agreements which are not contrary to law and social ethics.

3. In case enterprises recruit people to be trained to work for them, the training contract, in addition to contents prescribed in Clause 2 of this Article, must cover following contents:

- a) Commitment of trainee about the work duration for the enterprise;
- b) The commitment of the enterprise to employ the trainee after completing the training program;
- c) Agreement on the time and the payment to the student who directly produces or participates in production of products for the enterprise during training time.

4. Training contract for on-the-job training in enterprises, in addition to the contents specified in Clause 2 of this Article, must state the time the trainee starts to receive payment and the payment amount paid over time for each period of time.

#### **Article 40. Continuing vocational education and training program**

1. Continuing vocational education and training programs include:

- a) Vocational education and training programs that meet the needs and demands of trainees; program on fostering, updating and improving occupational knowledge and skills;

b) Vocational education and training program in forms of apprenticeship, hand-down of trades, internship;

c) Program on technology transfer;

d) Other vocational education and training programs with the duration of less than 3 months.

e) Vocational education and training program with the aim to obtain collegiate, secondary level vocational education and training diploma, and elementary level vocational education and training certificate in the form of continuing vocational education and training;

2. Continuing vocational education and training programs must meet following criteria:

a) Continuing vocational education and training programs defined in points a, b, c and d of Clause 1 of this Article are required to ensure practicality, enable trainees to do tasks of their trained occupation, improve working capacity, and increase labor productivity or career change; head of continuing vocational education and training institution delivering vocational education and training programs regulated at points a, b, c, and d of Clause 1 of this Article is autonomous, self-responsible for organizing formulation or selection of their own vocational education and training programs;

b) Vocational education and training program regulated at point e of Clause 1 of this Article must ensure requirements defined at Article 34 of this Law.

#### **Article 41. Time span and method of continuing vocational education and training**

1. Time span for vocational education and training programs defined at points a, b, c, d of Clause 1 of Article 40 of this Law is depended on requirements of individual programs, ensures flexibility, in line with various trainees.

2. Time span for vocational education and training program defined at point e of Clause 1 of Article 40 of this Law is allowed to prolong more than time span regulated at Article 33 of this Law.

3. Method of continuing vocational education and training is required to promote trainees' activeness, self-learning and experiences; uses modern

means and information technology in order to improve teaching and learning quality and efficiency.

**Article 42. Trainers of continuing vocational education and training programs**

1. Trainers of continuing vocational education and training programs defined at points a, b, c, d of Clause 1 of Article 40 of this Law are vocational teachers, scientists, engineers, technicians, craftsmen, highly skilled people, excellent farmers.

2. Trainers of continuing vocational education and training programs defined at point e of Clause 1 of Article 40 of this Law are vocational teachers as regulated in Article 53 and 54 of this Law.

**Article 43. Organization and management of continuing vocational education and training**

1. Organization and management of continuing vocational education and training is implemented in accordance with regulations at Article 37 of this Law.

2. Vocational education and training institutions, enterprises, vocational education and training courses are allowed to deliver vocational education and training for programs defined at points a, b, c and d of Clause 1 of Article 40 of this Law.

3. Vocational education and training institutions, higher education institutions which register to deliver collegiate level vocational education and training are allowed to deliver vocational education and training for programs defined at point e of Clause 1 of Article 40 of this Law when it already ensures implementation of formal vocational education and training and is allowed by authorized state management agency in vocational education and training.

4. The Head of state management agency in vocational training at central level provides guidance on continuing vocational education and training.

**Article 44. Certificate and degree of continuing vocational education and training**

1. Continuing vocational education and training programs defined at points a, b, c, and d of Clause 1 of Article 40 of this Law organize tests,

examinations at the end of modules, subjects, programs depending on each program, decided by head of vocational education and training institution, enterprises; head of other organizations or individuals organizing vocational education and training.

2. Tests, examinations and certifications for vocational education and training of programs defined at points e of Clause 1 of Article 40 of this Law is implemented in accordance with regulations at Article 38 of this Law.

3. Vocational trainees finishing the continuing vocational education and training programs defined at points a, b, c and d of Clause 1 of Article 40 of this Law shall be awarded with vocational certificate by head of vocational education and training institution, enterprise, vocational education and training course. Vocational certificate is required to state clearly content and time span of the training course.

#### **Article 45: Vocational education and training course**

1. Training courses are held by individuals and organizations to implement training programs prescribed at points a, b, c and d, Clause 1, Article 40 of this Law.

In case training courses are ordered by the State, organizations and individuals who implement such courses must meet requirements set by the head of state management authority of vocational education at the central level.

2. Organizations and individuals who organize training courses meeting the conditions prescribed in Clause 3 of this Article shall enjoy the following incentives:

a) The expenses for the operation of vocational training are misused when determining taxable income under the provisions of the tax law;

b) Are eligible to participate in the program, vocational training scheme of the State if meeting the conditions prescribed by law;

c) Are allowed to grant certificates to students;

d) Are eligible to appoint vocational instructors to participate in vocational training pedagogical courses; advanced training courses, updating technological knowledge in the field of specialization;

e) The students are eligible to receive training subsidy if vocational training are under the program and schemes for vocational training of the State.

3. Vocational training courses which meet the following conditions shall be entitled to State incentives:

a) Have physical facilities, equipment, staff, training program suitable to vocational training;

b) Have a written report on vocational training activities to the People's Committees of commune, ward or township where the training courses are implemented.

### **Item 3**

## **INTERNATIONAL COOPERATION IN VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING**

### **Article 46. Objectives of international cooperation in vocational education and training**

1. To improve the quality of vocational education and training towards modernization, approaching advanced regional and international vocational education and training systems.

2. To create favorable for vocational education and training institutions to develop sustainably, training high quality human resources to serve the industrialization and modernization of the country.

### **Article 47. Forms of international cooperation in vocational education and training**

1. Cooperative training.

2. Establishing a representative office of foreign vocational education and training institutions in Vietnam.

3. Co-operation in scientific research, technology transfer and organization of workshops, scientific conferences.

4. Providing further training for, exchange of teachers, managers and vocational education learners.

5. Exchange of information for training activities; supplying training

curriculums; exchange of publications, documents and results of training.

6. Participating in educational institutions, professional associations of regional and international levels.

7. Establishing representative office of Vietnamese vocational education and training institutions abroad.

8. Other forms of cooperation in accordance with the law.

#### **Article 48. Cooperative training**

1. Cooperative training with foreign partner is the development and implementation of training programs in the form of cooperation between Vietnamese registered vocational education and training institutions with foreign education and training institutions without setting up a new legal entity in order to carry training program for diploma, vocational training certificate.

2. The training curriculum used in cooperative training can be a curriculum developed abroad or developed by both sides. The training program is implemented in full in Vietnam or partly in Vietnam and partly abroad. The head of the registered vocational education and training institution approves vocational training curriculum to be used in cooperative training with foreigner partner.

3. Registered vocational education and training institutions which implement cooperative training with foreign partners must have a certificate of registration of cooperative training activities and ensure conditions of teachers, the quality of physical facilities and training equipment, curriculum and contents of training.

Foreign education and training institutions which have the cooperative training with the domestic registered vocational education and training must have the certificates of accredited quality on vocational education and training issued by foreign quality accreditation organizations or be recognized in accordance with the regulations of the Head of state management agency in vocational education and training at central level.

Specific conditions, competence and authority, order and procedures for registration of license for cooperative training activities with foreign partners are carried out under the provisions of the Government.

4. In case the cooperative training programs with foreign partners are suspended or terminated due to not maintaining the conditions specified in Clause 3 of this Article, the vocational education and training institutions must reimburse the fees and tuition for the learners; ensure the legitimate rights and interests of the learners, the teachers, officers, employees; pay teaching payments and other benefits of teachers and employees under labor contracts signed or collective labor agreement; pay for tax debts and other liabilities (if any).

#### **Article 49. Representative office**

1. Representative office of foreign vocational education and training institution represents foreign vocational education and training institution.

2. Representative office has following responsibilities and authority:

a) Promote cooperation with the Vietnamese vocational education and training institutions through building programs and projects of cooperation in the field of vocational education and training;

b) Organize exchanges, consultation, exchange of information, conferences and exhibitions in the field of vocational education and training in order to introduce the foreign organizations, institutions;

c) Supervise and monitor the implementation of the vocational education and training cooperation agreements signed between foreign vocational education and training institutions and Vietnamese vocational education and training institutions;

d) Do not perform vocational education and training activities which directly generate profits in Vietnam and are not allowed to establish branches of representative office of foreign vocational education and training institution in Vietnam.

3. Foreign vocational education and training institution is granted license to establish representative office in Vietnam when meeting all following conditions:

a) Be a legal entity;

b) Has missions and objectives;

c) Having been active in vocational education for at least 05 years in the



host country;

d) The regulations and organization for operation of the representative office to be established in Vietnam comply with the provisions of the law of Vietnam.

4. Head of state management agency at central level grants license to representative office of foreign vocational education and training institution operating in Vietnam.

5. Representative office of foreign vocational education and training institution terminates its operations at the request of the foreign vocational education and training institution in the following cases:

a) The term specified in the license expires;

b) The license is revoked because the representative office does not operate after the 06 months from the date of issuance of representative office license for the first time or 03 months from the date of license renewal;

c) There is fraudulence in the application for representative office license;

d) Performing the activities not specified in the license;

e) Violating the provisions of the law of Vietnam.

### **Article 50. Policy for development of international cooperation in vocational education and training**

1. The State expands, develops international cooperation in the field of vocational education and training on the principles of respect for national independence and sovereignty and mutual interests.

2. Overseas organisations and individuals, international organisations, Vietnamese people living abroad are encouraged and facilitated by the State of Socialist Republic of Vietnam for their teaching, investment, funding, cooperation, scientific application, technology transfer with regards to vocational education and training in Vietnam; are protected with their legal rights and interests as regulated by Vietnamese law and the international treaty in which the Socialist Republic of Vietnam is a member.

3. The government regulates specifically about international cooperation in the field of vocational education and training.

## Chapter IV

### **RIGHTS AND OBLIGATION OF ENTERPRISES IN VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING**

#### **Article 51. Rights of enterprises in vocational education and training**

1. Establish vocational education and training institutions to train direct workers for production, sales and service for the enterprises and society.
2. Be allowed to register for delivery of vocational education and training to provide vocational training of elementary level prescribed at Points a, b, c and d, Clause 1 Article 40 of this Law for employees working in enterprises and other workers; receive State funding for training for people with disabilities who learn and work in the enterprises.
3. Be allowed to cooperate with vocational education and training institutions to implement vocational education and training of elementary, intermediate, diploma levels and continuing education vocational education and training programs.
4. Participate in syllabus and curriculum development, organization of training; instructing practical training and assessing learning outcomes of students in vocational education institutions.
5. Expenses for vocational training activities of enterprises are deducted when determining the taxable income under the provisions of the tax law.

#### **Article 52. Obligation of enterprises in vocational education and training**

1. Provide information on training needs, on deployment of employees by occupation and annual employment needs to the state management agency in vocational education and training.
2. Provide training or place training order to vocational education and training institutions to train workers recruited to work in the enterprises.
3. Fulfill responsibilities agreed upon in the cooperative training with registered vocational education and training institutions.
4. Participate in syllabus and curriculum development, organization of training; instructing practical training and assessing learning outcomes of students in registered vocational education and training institutions; receive

teachers and students to visit and do practical training, internship to improve vocational skills through contracts with registered vocational education and training institutions.

5. Pay wages for learners and teachers participating directly or working to produce products which meet technical specification requirements during training, practical training, internship in enterprises under the agreement by the parties.

6. Coordinate with vocational education and training institutions to organize vocational education and training, fostering skills and retraining for workers of the enterprises.

7. Create conditions for employees to do in- service training to improve their professional skills under the provisions of the Labor Law.

8. Only employ trained workers or workers possessing certificates of vocational for occupations listed in the portfolio of the Minister of Labour - Invalids and Social Affairs.

9. The Government regulates specifically about rights and responsibilities of enterprises in the field of vocational education and training.

## Chapter V

### TEACHERS AND TRAINEES

#### Item 1

#### TEACHERS IN VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING INSTITUTION

##### **Article 53. Trainers in vocational education and training institution**

1. Teachers in registered vocational education and training institution includes: teachers who teach occupational theory or occupational practice or both in vocational education and training institution.

2. Trainers in vocational education and training centers and secondary schools are called teachers; while those teaching in colleges are called lecturers.

3. Titles of vocational teachers include: teacher, principal teacher, senior teacher; lecturer, principal lecturer, senior lecturer.

4. Vocational teachers in vocational education and training institution must meet the following standards:

a) Having good ethics;

b) Obtaining the standard qualification regarding professional knowledge and skills;

c) Having good health to meet professional requirements;

d) Having clear curriculum vitae.

#### **Article 54. Standard training qualifications of vocational teachers**

1. Elementary level vocational teacher must possess secondary level vocational education and training diploma or higher degrees or certificate of professional skills to teach elementary level.

2. Specialized theory teacher for secondary level vocational education and training must possess graduation diploma from university of technical education or specialized university or higher degrees; practical teacher must possess certificate of professional skills to teach occupational practice at secondary level.

3. Specialized theory lecturer for collegiate level vocational education and training must possess graduation diploma from university of technical education or specialized university or higher; standard practical lecturer must possess certificate of professional skills to teach occupational practice at diploma level.

4. Occupational theoretical and practical teacher for secondary, collegiate-level vocational education and training must acquire standard qualifications as regulated at Clause 2 and Clause 3 of this Article.

5. Vocational teachers who do not have graduation diploma from university or college of technical education must possess pedagogical certificate of vocational education and training;

6. The Head of state management agency in vocational education and training at central level stipulates content of training and fostering training programs on occupational skills and occupational skills certificate for practical

training of all levels; stipulates content of training on fostering pedagogical skills for teachers in registered vocational education and training institution.

### **Article 55. Duties and authority of trainers**

1. Teach according to training objective, program and implement fully, quality-oriented training program.
2. Periodically study, foster, and improve qualification, professional skills and teaching method.
3. Act as example in implementing civil obligations, legal regulations and charter of school, statute of vocational education and training institution.
4. Preserve quality, prestige, dignity of teacher; respect personality of trainees, treat equally among trainees, protect legal rights and interests of trainees.
5. Participate in management and supervision of vocational education and training institution; participate in work of Communist Party, mass organization and other social works.
6. Be allowed to use documents, means, teaching aids and equipment and physical facilities of vocational education and training institution for implementation of their assigned tasks.
7. Sign contract on part-time lecturing with other vocational education and training institutions as regulated by law.
8. Contribute opinions and ideas to the policy and plans of the vocational education and training institution; develop programs, syllabuses and teaching methods and other issues related to the interests of vocational teachers.
9. Vocational teacher has to participate in internship in enterprise in order to update, improve professional skills, and approach new technology as regulated.
10. Other tasks and rights are as regulated by law.

### **Article 56. Recruitment, assessment, and further professional and skills training for teachers**

1. Recruitment of vocational teachers must ensure standards and standard qualification as regulated at Clause 4 of Article 53, Article 54 of this Law and complies with regulations on labor, and related legal concerning working

officials. It is prioritized to recruit people who have practical experiences in production and service relevant to the training occupation.

2. Vocational teachers must be evaluated, classified on the annual basis in accordance with regulations of law.

3. Fostering for standardization, fostering for improvement related to the technical field, to pedagogical skills, professional skills, informatics, foreign languages; and internship in enterprise for vocational teachers are implemented as stipulated by Head of state management agency in vocational education and training at central level.

### **Article 57. Part-time lecturing**

1. Vocational education and training institutions may invite persons who meet the criteria and standard qualification stipulated at Clause 4 of Article 53 and Article 54 of this Law to give lectures under the part-time lecturing regime.

2. Part-time lecturers have to perform the tasks defined at Article 55 of this law.

3. Part-time lecturers who are staff, public servants, and officials have to ensure fulfillment of their tasks in their employing institutions.

### **Article 58. Policy for vocational teachers**

1. Teacher in public vocational education and training institution enjoys the following policies:

a) Policy on salary by professional titles as regulated at Clause 3 of Article 53 of this Law; occupational allowances, seniority allowances for teacher; particular allowances for teachers teaching both occupational theory and practice, teachers who are craftsmen, highly skilled persons teaching occupational practice, practical teachers of hard, hazardous and harmful occupations, vocational teachers of people with disabilities as regulated by the Government;

b) Policy for teacher working in specialized schools, socio-economically disadvantaged areas and other policies for teacher as regulated by the Government.

2. Teacher in public vocational education and training institution is sent

to further their qualification, foster technical speciality, professional skills as regulated by the Government.

3. The State issues policy on assigning, seconding teachers to work in vocational education and training institutions located in socio-economically disadvantaged areas; on encouraging teachers in vocational education and training institutions located in advantaged areas to work at vocational education and training institutions located in socio-economically disadvantaged areas.

4. Vocational teachers, management staff, scientific researchers on vocational education and training meeting adequately standards regulated by law shall be granted with the title of People's Teacher, Teacher of Merit by the State.

5. Vocational teachers who have doctorate degree or are craftsmen or highly skilled people working in public vocational education and training institutions can prolong their time of working since their retirement age in the case they have good health, and are willing to prolong their working time and are demanded by the vocational education and training institution in line with regulations of law on labor.

6. The State invests in training and fostering qualification, skills, method of vocational education and training for vocational teachers of people with disabilities.

## **Item 2**

### **VOCATIONAL TRAINEES**

#### **Article 59. Vocational trainees**

Vocational trainees are people who are participating in vocational education and training programs in registered vocational education and training institution, enterprise, including students of diploma-level vocational training program; learners of elementary and intermediate level vocational education and training programs; trainees of training programs defined at points a, b, c, and d of Clause 1 of Article 40 of this Law.

#### **Article 60. Duties and rights of vocational trainees**

1. Learn; self-train in accordance with the regulations of registered

vocational education and training institutions.

2. Pay respects to teachers, management staff, officials and staff of vocational education and training institution; building solidarity, helping each other in learning and self improving.

3. Participate in labor and social activity, environmental protection activity, security and order preservation, prevention and control of social crime and evil.

4. Be respected and treated equally, regardless of male and female, ethnic groups, religions, family background, be provided with information about learning, self improvement.

5. Be facilitated in learning, participating in production and service activities, cultural, gymnastic, sports activities.

6. Enjoy policies for trainees as priority and social policy subjects.

7. Other duties and rights are as regulated by law.

#### **Article 61. Trainees' fixed term obligation**

1. Graduates from vocational education and training courses under nomination regime, under the programs ordered by the State, and granted with scholarships, or funded by foreign countries under the agreements signed with the Socialist Republic of Vietnam must abide the State's job arrangement for a fixed term; if not, they must refund scholarships and vocational education and training expenses.

2. Graduates from vocational education and training courses which are granted with scholarships and vocational education and training expenses covered by employers must work for them for a duration committed in their vocational education and training contracts; if failing to fulfill their commitment, they must refund scholarships and vocational education and training expenses.

#### **Article 62. Policy for vocational trainees**

1. Trainees are entitled to scholarship policies, nomination-based enrolment regime, education credit policies, reduction or exemption policies concerning public service charge applicable to pupils and students under the provisions of Articles 89, 90, 91 and 92 of the Law on education.



2. Trainees are eligible for exemption of tuition fees by the State in the following cases:

a) Vocational trainees at intermediate and diploma levels who have contribution to the revolution and their relatives as regulated by law; ethnic minority people belonging to poor, pro-poor households; ethnic minority people living in socioeconomically disadvantaged areas; homeless orphans.

b) Graduate from secondary school when undertaking vocational education and training at intermediate level;

c) Intermediate, diploma level vocational trainees for occupations with enrolment difficulty but demanded by the society as per the list regulated by the Head of state management agency in vocational education and training at central level; trainees who learn special occupations to meet the requirements of socio-economic development, national defense, security in accordance with regulations of the Government.

3. Trainees who are women, rural labor participating in elementary level vocational education and training and vocational education and training programs with duration of less than 3 months are supported with training expenses as regulated by the Prime Minister.

4. Graduates from ethnic minority boarding secondary and high schools, including boarding schools run by people, are enrolled directly into public secondary general schools and college.

5. Trainees who are ethnic minority people belonging to poor, pro-poor households, people with disabilities; trainees who are “Kin” people belonging to poor, pro-poor households, people with disabilities living in socio-economically disadvantaged areas, ethnic minority areas, border and island areas; graduates from boarding ethnic minority high schools engaging in secondary, collegiate level vocational education and training are entitled to policy on boarding vocational education and training as regulated by the Prime Minister.

6. During the vocational education and training course, if trainees cannot continue their study due to their performance of military service, ailment, accidents, maternity, poor health or difficulties of families, they are entitled to reserve their study results and can resume their vocational education and training to accomplish the training course. The time for reserve of vocational

education and training results does not exceed 05 years.

7. Trainee's knowledge, skills acquired during working process and trainee's results of modules, subjects accumulated during learning process of all levels of vocational education and training, in college, university are recognized and do not need to be learnt again when participating in other vocational education and training programs.

8. Trainees after graduation enjoy the following policies:

a) Be recruited to work for state agencies, socio-political organizations, public non-business units, armed force as regulated; prioritize people who possess graduation diploma at good level and higher;

b) Be paid with salary according to agreement with their employer on the basis of job placement, working capacity, efficiency but not lower than the standard, minimum or starting salary for jobs or positions required intermediate, diploma qualification as regulated by law;

### **Article 63. Policy for vocational trainees going to work overseas**

1. The State provides policy on organizing vocational education and training for labourers who wish to work overseas.

2. If trainees go to work overseas before completing their vocational education and training, they are entitled to reserve their vocational education and training results. The reservation of vocational education and training results is not of more than 05 years.

### **Article 64. Policy for people awarded with prize in skills contests**

1. The State encourages trainees to participate in skill contests. Prize winners at national, ASEAN and international skill contests are commended and rewarded in accordance with regulations of the law on emulation and commendation.

2. First-, second- or third- prize winners at national skill contests are enrolled directly into colleges for training in occupations compatible with those for which they have won prizes in the case that they possess high school graduation diploma or secondary level vocational education and training diploma and already complete sufficient volume of knowledge, passed graduation exams for basic subjects at high school level and meeting requirements as regulated by law.

3. First-, second- or third-prize winners at ASEAN and international skill contests are enrolled directly into universities for training in occupations compatible with those for which they have won prizes in the case that they possess high school graduation diploma or secondary level vocational education and training diploma and already complete sufficient volume of knowledge, pass graduation exams for basic subjects at high school level and meeting requirements as regulated by law.

## Chapter VI

### QUALITY ACCREDITATION FOR VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

#### **Article 65. Objectives, principles of quality accreditation of vocational education and training**

1. Aims of vocational education and training quality accreditation

a) Ensure and improve vocational education and training quality;

b) Confirm level of satisfaction of vocational education and training institution and vocational education and training program for a specific period against vocational education and training objectives;

2. Objectives of vocational education and training quality accreditation include:

a) Vocational education and training institutions;

b) Vocational education and training programs.

3. Principles of vocational education and training quality accreditation

a) Independent, objective, conforming to law;

b) Honest, public, transparent;

c) Equal, periodical;

d) Be mandatory for vocational education and training institutions, national focal occupations and vocational education and training programs

for occupations approaching regionally, internationally advanced levels; vocational education and training institutions and vocational education and training programs on fields, trades serving the state management.

**Article 66. Organization, management of quality accreditation of vocational education and training** 1. Organizations of vocational education and training quality accreditation have the task of assessing and recognizing vocational education and training institutions and programs that meet standards of vocational education and training.

2. Organizations of vocational education and training quality accreditation include:

a) Organizations for vocational education and training quality accreditation established by the State;

b) Organizations for vocational education and training quality accreditation established by organizations or individuals.

3. Organization of vocational education and training quality accreditation is established when a project ensuring the following conditions is in place:

a) Having physical facilities, equipment, finance meeting requirements of operation of the center for vocational education and training quality accreditation;

b) Having management staff and accreditors meeting requirements of vocational education and training quality accreditation activity.

4. Center for vocational education and training quality accreditation has legal status and is responsible towards the law for its vocational education and training quality accreditation; entitled to collect fees of quality accreditation as regulated by law.

5. The Head of state management agency in vocational education and training at central level promulgates regulations on criteria, standards, process, and cycle of vocational education and training quality accreditation; specific regulations on conditions for establishment, dissolution, tasks of organization of vocational education and training quality accreditation; regulations on recognition of results of vocational education and training quality accreditation; issuance and revocation of certificates of vocational education and training quality accreditation; regulations on standards, tasks

and authorities of accreditors; regulations on use of results of vocational education and training quality accreditation; regulations on management, and issuance of accreditor card.

**Article 67. Duties and rights of vocational education and training institution in the implementation of vocational education and training quality accreditation**

1. To develop and to implement long-term and annual plans on vocational education and training quality improvement.

2. To organize vocational education and training quality self-accreditation according to vocational education and training quality accreditation standards and procedures.

3. To provide information and documents for the vocational education and training quality accreditation.

4. Implement accreditation as requested by authorized state management agency.

5. Pay accreditation fees to vocational education and training quality accreditation agencies.

6. Select organizations for vocational education and training quality accreditation to do accreditation for vocational education and training institution and vocational training programs.

7. Make complaints and denunciations with the competent authorities of the decision, conclusions, violations of the laws of the organizations and individuals performing vocational education and training quality accreditation.

**Article 68. Recognition of vocational education and training quality accreditation**

1. If vocational education and training institution subjected to quality accreditation satisfies all requirements, they are granted with certificate of vocational education and training quality accreditation. Such certificate is valid for five years.

2. If vocational education and training institutions fail to maintain their quality according to vocational education and training quality accreditation

standards, their certificates of vocational education and training quality accreditation will be withdrawn.

**Article 69. Duties and authority of vocational education and training institutions accredited for vocational education and training quality standards**

1. Maintain and improve their vocational education and training quality.
2. Annually report the result of self-accreditation to the state management agency in vocational education and training.
3. Be entitled to policies on investment support policy for improvement of vocational education and training quality and can participate in bidding for realising/carrying out the vocational education and training quotas ordered by the State.

**Article 70. Use of vocational education and training quality accreditation results**

Vocational education and training quality accreditation results are used as basis:

1. Assessing the quality of vocational education and training of institutions involving in vocational education and training activities;
2. Trainees chose vocational education and training institutions, training programs and level;
3. Employers recruit workers;
4. The state invests, bidding and training order for vocational education and training of institutions.

Chapter VII

**STATE MANAGEMENT IN VOCATIONAL  
EDUCATION AND TRAINING**

**Article 71. Responsibilities of state management in vocational education and training**

1. The Government implements consistent state management in vocational education and training.

2. The state management agency in vocational education and training at central level is responsible towards the Government for implementation of state management in vocational education and training as regulated by the Government has following responsibilities and authority:

a) Develop and organize implementation of strategies, planning, plans and policies on vocational education and training development;

b) Promulgate and organize implementation of legal documents on vocational education and training;

c) Stipulate vocational education and training objectives, contents, methods and curricula; standards for vocational teacher; lists of training occupations of different levels; standards on physical facilities and equipment; enrolment statute, testing, examination and issuance of vocational education and training diplomas, certificates;

d) Organize implementation of issuance of vocational education and training license;

e) Manage and organize implementation of vocational education and training quality accreditation;

f) Carry out statistics and communication on the organization of and activity of vocational education and training;

g) Organize a management structure of vocational education and training;

h) Manage and organize training for vocational teachers and management staff, teachers of continuing vocational education and training programs.

i) Mobilize, manage and use resources for vocational education and training development.

k) Manage; organize research and application of science and technology, productivity and services in vocational education and training.

l) Manage; organize international cooperation in vocational education and training.

m) Inspect, examine the observance of law on vocational education and training; settle complaints, denunciations and handle violations of the law on vocational education and training.

3. Ministries, ministerial-level agencies coordinate with the state management agency in vocational education and training at central level in implementing state management of vocational education and training within their authority; directly manage the vocational education and training institutions of their own Ministries, sectors (if any) following the functions and assigned tasks.

4. Provincial People's Committee, within its duties and authority, implements state management of vocational education and training as decentralized by the Government; formulates and organizes implementation of vocational education and training plan in line with workforce demands of their respective locality; inspects the observance of the law on vocational education and training of vocational education and training institutions, enterprises, organizations, individuals engaging in vocational education and training in the territory within its authority; implements socialization of vocational education and training; improves vocational education and training quality and efficiency in the locality.

5. The Government provides specific regulations on authority and contents of state management in vocational education and training.

### **Article 72. Inspection of vocational education and training**

1. Vocational education and training inspectorate is a specialized inspectorate.

2. Inspection of vocational education and training includes:

a) Inspect implementation of laws, policies on vocational education and training;

b) Detect, prevent and handle within authority or propose competent state agencies to handle violations of the law on vocational education and training;

c) Verify, propose competent state agencies to settle complaints, denunciations on vocational education and training;

d) Other activities on inspection as regulated by the law on inspection.

3. Organization and performance of vocational education and training inspectorate complies with regulations on inspection.

### **Article 73. Handling of violations**

1. Individuals violating the regulations of this Law shall, depending on



nature and seriousness of their violations, be disciplined, administratively sanctioned or prosecuted for criminal liability; if causing damage, they must pay compensation in accordance with regulations of law.

a) Establishment of vocational education institution or vocational education activities in contravention of the law;

b) Violation of the provisions on the organization and operation of vocational education and training institutions;

c) Publishing, printing, disseminating documents contrary to the provisions of law;

d) Making false documents, violating regulations for admission, examination, graduation diplomas and certificates;

e) Damaging dignity and physical body of educators, managers of vocational education and training institutions; abuse learners;

f) Violating of regulations on accreditation of vocational education and training institutions;

g) Disturbing, damaging social security in of vocational education and training institutions;

h) Losing funds, taking advantage of vocational education activities to collect money improperly or for-profit purposes;

i) Causing damage to the facilities of vocational education and training institutions;

k) Other acts violating the law on vocational education and training.

2. The Government regulates specifically on administrative fines and punishment for violations in vocational education and training.

#### **Article 74. Complaints, denunciations and settlement of complaints and denunciations**

Complaints, denunciations and settlement of complaints, denunciations with regards to vocational education and training comply with regulations of law.

## Chapter VIII

### PROVISION ON IMPLEMENTATION

#### **Article 75. Implementation effect**

1. This Law takes effect from 1<sup>st</sup> July, 2015.
2. The Law on vocational training No. 76/2006/QH11 is invalid once this Law takes effect.

#### **Article 76. Revision and additions to a number of articles in Law on Education**

Amend, supplement or remove a number of articles of the Education Law No. 38/2005/QH11 which had been amended and supplemented some articles according to Law No. 44/2009/QH12 as follows:

1. Points c and d, Clause 2, Article 4 are amended and supplemented as follows:

“c) Vocational education and training of elementary, intermediate and diploma levels and other occupational training programs;

d) Higher education (hereinafter referred to as tertiary education) provides training of undergraduate degree, master’s degree, doctoral degree.”;

2. Point d, Clause 1, Article 51 is amended and supplemented as follows:

“d) The Minister of Education and Training decided to university foundation schools; Head of state management of vocational education at central level make decisions to colleges;”;

3. Clause 3 of Article 70 is amended as follows:

“3. The teachers teaching in early childhood education institutions, general education, vocational education and training of elementary and intermediate levels are called teachers. Those teaching in colleges and higher education institutions are known as lecturers. “;

4. Replace the phrases in some articles as follows:

a) The phrase “training center” with the phrase “vocational education and training center” at Point b, Clause 1, Article 83;

b) The phrase “vocational course” with the phrase “vocational training” in Point a Clause 1 of Article 69 and Point b Clause 1 Article 83;

c) The phrase “head of state management on vocational training” with the phrase “heads of state management agency in vocational education and training at central level” in Articles 45, 50, 51, 52, 54, 77, 105 and 113;

d) The phrase “vocational training institutions” with the phrase “vocational education and training institutions” in Clause 3 of Article 54;

e) The phrase “vocational schools” with the phrase “vocational education and training institutions” in Clause 1 of Article 89;

5. Remove the phrases in some articles as follows:

a) Remove the phrase “collegiate level,” in Clause 2 of Article 40 and Clause 1 of Article 41;

b) Remove the word “colleges” in Article 41, Point d Clause 1 of Article 51 and Article 79;

c) Remove the phrase “colleges and” in Point 3 Clause 2 of Article 41;

d) Remove the phrase “and secondary technical education course” at Point a and the phrase “Integrated technical centers-career guidance centers; vocational training centers” in Point b, Clause 1, Article 69;

6. Abolish Section 3- technical education of Chapter II, including Articles 32, 33, 34, 35, 36 and 37; repeal Clause 5 of Article 30, Clause 1 of Article 38, Clause 2 of Article 39, Point 2 Clause 1 of Article 40, Point a Clause 1 of Article 42, Clause 1 of Article 43, Point d and e Clause 1 of Article 77.

## **Article 77. Revision and supplement to a number of articles in Law on Higher Education**

Amend, supplement or repeal a number of articles of the Law on Higher Education No. 08/2012/QH13 as follows:

1. Replace the phrase “professional secondary schools” with the phrase “secondary vocational education and training schools” in Clause 3 of Article 37;

2. Remove the phrases in some articles as follows:

a) Remove the word “college” in Clause 2 of Article 4, Clause 2 of Article 5, Article 33, Point a Clause 1 and Clause 3 of Article 36, Clause 4 of Article 45;

b) Remove the phrase “collegiate level,” in Clause 1 of Article 6;

c) Remove the word “college” in Article 2, Clause 8 of Article 4, Clause 1

of Article 11, Article 14, Clause 1 of Article 16, Clause 1 of Article 17, Clause 1 of Article 19, Clause 1 of Article 20, Clause 4 of Article 27 and Article 28;

d) Remove the phrase “Minister of Education and Training recognizes the ranking for colleges” in Clause 5 of Article 9;

e) Remove the phrase “have a master’s degree for college rectors” in Point b Clause 2 of Article 20;

f) Remove the phrase “college degree” in Clause 1 of Article 38;

g) Remove the phrase “training program of collegiate level” in Article 59;

3. Abolish Clause 2 of Article 5, Clause 1 of Article 7, Point 2- Clause 1 of Article 27, Point 2 Clause 2 of Article 27 and Point a Clause 1 of Article 38.

### **Article 78. Terms of transition**

Vocational education and training institutions and institutions of higher education which have enrollments before this Law comes into effects shall continue to organize training, granting degrees and certificates to students under the provisions of the Education Law No. 38/2005/QH11, Law No. 44/2009/QH12 with a number of amendments and supplement to Law on Education, Law on Vocational Training No. 76/2006/QH11 and Higher Education Law No. 08/2012/QH13 until the end of the training program.

### **Article 79. Implementation guidance**

The Government, competent and authorized agencies provide specific regulations and guidance on implementation of assigned articles, clauses of this Law.

---

This Law was adopted by the 13th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, the 8th Session, dated 27 November 2014./.

CHAIRMAN OF THE NATIONAL ASSEMBLY



NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

**LUẬT**  
**GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**  
**LAW ON**  
**VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING**

In 19.000 cuốn, khổ 14.8cm x 20,5cm  
Tài liệu được lưu hành nội bộ - không bán.